

Thích Thái Hòa

**Thảnh Thơi
Giữa Đôi Dòng**

Nhà Xuất Bản Hồng Đức

MỤC LỤC

Tiếp Xúc Với Bạch Mã Qua Con Mắt Thiền Quán....5	
Tiếp Xúc Với Biển Trong Con Mắt Thiền Quán . 26	
Tiếp Xúc Với Cha Mẹ Qua Ý Nghĩa Vu Lan 37	
Ý Thức Đối Với Sự Sống..... 76	
Tiếp Xúc Với Động Phong Nha Và Tiên Sơn Qua Con Mắt Thiền Quán..... 92	
Từ Bi Và Lòng Biết Ơn Vô Hạn Dệt Thành Chất Liệu Hạnh Phúc Trong Đời Sống Chúng Ta 105	
Người Huynh Trưởng Đối Với Đạo Pháp Và Dân Tộc 122	

TIẾP XÚC VỚI BẠCH MÃ QUA CON MẮT THIÊN QUÁN

*(Pháp thoại Thầy Thích Thái Hòa giảng tại núi Bạch Mã
ở Thừa Thiên - Huế, vào ngày 01/5/08)*

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Thưa đại chúng!

Hôm nay là ngày 26 tháng 3 năm Mậu Tý, tức là 1/5/2008, tại núi Bạch Mã, chúng ta có bài pháp thoại "Tiếp xúc với Bạch Mã qua con mắt thiên quán".

Thiền Tập:

Thưa đại chúng!

Trước khi nghe pháp thoại, xin đại chúng ngồi yên lắng tập trung theo dõi hơi thở.

Thở vào, tôi biết tôi đang thở vào.

Thở ra, tôi biết tôi đang thở ra.

Thở vào, tôi thấy tôi đang có an lạc. Thở ra,

tôi thấy tôi đang có an lạc.

Thở vào, tôi biết tôi đang ngồi giữa đạo tràng Bạch Mã của tỉnh Thừa Thiên Huế. Thở ra, tôi biết rất rõ tôi đang ngồi giữa đạo tràng Bạch Mã của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thở vào, tôi biết chúng tôi có phước đức rất lớn khi được ngồi đây. Thở ra, tôi biết chúng tôi có phước đức rất lớn khi được ngồi đây.

Thở vào, tôi biết ơn một cách sâu sắc đối với Tam Bảo, đối với chư Phật, Bồ Tát, hộ pháp, thiện thần và các vị sơn lâm. Thở ra, tôi biết ơn một cách sâu sắc đối với Tam Bảo, đối với thập phương chư Phật, Bồ Tát, hộ pháp, thiện thần và các vị sơn lâm.

Thở vào, tôi biết ơn một cách sâu sắc hồn thiêng sông núi đã dành cho tất cả chúng tôi giờ phút này. Thở ra, tôi biết ơn một cách sâu sắc hồn thiêng sông núi đã dành cho tất cả chúng tôi giờ phút quý báu này.

Thở vào, tôi xin giải trừ tất cả những sự oán

đôi giữa tôi với tất cả mọi người và mọi loài. Thở ra, tôi xin giải trừ tất cả những sự oán đối giữa chúng tôi với tất cả mọi người và mọi loài.

Thở vào, tôi xin giải trừ tất cả những sự oán đối giữa tất cả mọi người và mọi loài với tất cả chúng tôi. Thở ra, tôi xin tất cả mọi người và mọi loài giải trừ tất cả những sự oán đối với tất cả chúng tôi.

Thở vào, xin tất cả mọi người và mọi loài cùng chúng tôi đi về với tâm đại bi của chư Phật và Bồ Tát. Thở ra, xin tất cả mọi người và mọi loài cùng chúng tôi đi về với tâm đại bi của chư Phật và Bồ Tát.

Thở vào, tôi biết rất rõ chỉ có tâm đại bi mới chế ra chất liệu hạnh phúc cho tất cả chúng tôi và muôn loài. Thở ra, tôi biết rất rõ chỉ có tâm đại bi mới chế ra chất liệu hạnh phúc cho tất cả chúng tôi và muôn loài.

Tâm là vị chúa tể:

Thưa đại chúng! Trong kinh Đức Phật dạy "Tâm dẫn đầu các pháp. Tâm làm chủ các pháp. Tâm tạo tác". Người nào với tâm hiền thiện, tâm đạo đức; cộng đồng nào với tâm hiền thiện, tâm đạo đức, người đó, cộng đồng đó sẽ chế tác ra y báo, chánh báo trang nghiêm. Người nào, cộng đồng nào với tâm không hiền thiện, người đó, cộng đồng đó sẽ chế tác ra y báo, chánh báo không trang nghiêm.

Thưa đại chúng! Tâm hiền thiện là tâm như thế nào? Tâm hiền thiện là tâm có các chất liệu của Bồ đề, chất liệu của tuệ giác. Và từ nơi chất liệu của bồ đề, chất liệu của tuệ giác đó mà chúng ta phát khởi lời nói dễ thương, hành xử với nhau dễ thương, phát khởi ý nghĩ dễ thương.

Như thế nào là lời nói, hành xử, ý nghĩ dễ thương? Lời nói dễ thương là lời nói đem lại lợi ích chung, lợi ích cho mọi người mà không phải vì bản thân mình. Hành xử dễ thương là hành xử đem lại

lợi ích chung, lợi ích cho mọi người, lợi ích cho quốc gia, xã hội mà không phải vì bản thân mình. Ý nghĩ dễ thương là ý nghĩ đem lại lợi ích chung, lợi ích cho mọi người, mọi loài, lợi ích cho quốc gia, xã hội chứ không phải cho bản thân mình.

Người nào nói, hành xử và suy nghĩ như vậy, người đó sẽ tạo ra y báo, chánh báo trang nghiêm cho mình. Cộng đồng nào nói, hành xử và suy nghĩ được như vậy, cộng đồng đó sẽ tạo ra y báo, chánh báo trang nghiêm cho mình.

Trái lại, chúng ta không nói được những lời tốt đẹp, không hành xử tốt đẹp với nhau, không suy nghĩ tốt đẹp về nhau thì người đó, cộng đồng đó sẽ tạo ra y báo, chánh báo không đẹp, không trang nghiêm, không lành mạnh cho chính mình và cộng đồng của mình. Bởi vậy, Phật đã dạy: chúng ta muốn có y báo, chánh báo trang nghiêm thì trước hết phải phát tâm bồ đề.

Tâm có Bồ đề:

Tâm bồ đề là tâm của chư Phật, là tâm của các vị Bồ Tát hành đạo.

Chúng ta muốn có một môi trường đẹp để thưởng thức, muốn có một không gian thoải mái để thở và cười, một thiên nhiên để thưởng thức và nuôi dưỡng chúng ta, thì chúng ta phải chế tác ra từ nơi tâm của mình. Chúng ta hãy nhìn vào tâm mình để biết cảnh và nhìn vào cảnh để biết tâm mình. Vì vậy mà người xưa nói "gia trung suy thịnh quan hoa diệp", nghĩa là muốn biết gia đình đó nghèo hay giàu, suy hay thịnh thì hãy nhìn cây cỏ, hoa lá trong vườn nhà đó. Một cái nhà mà sắp sửa suy sụp, thì cây cối héo hắt hoặc cần cỗi. Nếu nhà đó sắp sửa thành đạt, phát đạt thì cây cối, hoa trái sum suê xanh tốt.

Minh đi tới một làng mạc nào cũng vậy. Nhìn vào làng đó mà cây cối xanh tươi, thì biết rằng trong làng đó có sự an lạc, thanh thoi, có

nhiều vị xuất sắc.

Và chúng ta đến quốc gia nào mà thấy trong nước đó cây cối xanh tươi, hoa trái sum suê, tú mậu thì biết rằng trong quốc gia đó có nhiều anh tài, nhiều bậc khí tiết.

Vậy, hôm nay chúng ta đến nơi núi Bạch Mã này, tiếp xúc và thấy được gì? Sau một ngày thực tập chánh niệm, đánh lễ Tam Bảo trên đỉnh Bạch Mã, rồi đánh lễ Tam Bảo ở Bạch Vân tự, và đến tượng đài Quan Âm gần thác Đỗ quyên, quý vị thấy ở đây cây cối đều xanh tươi, cho chúng ta một không gian rất là xanh đẹp. Đây đúng là không gian của trời xanh mây trắng.

Nên, chúng ta đến đây và phải biết rằng, cộng đồng dân tộc chúng ta có nhiều thiện duyên, có nhiều căn lành phước đức. Nếu chúng ta biết tu tập, trau dồi nữa thì phước đức đó sẽ lớn mạnh và tăng trưởng lên.

Biết khắc phục và chuyển hóa:

Lẽ đương nhiên là trong cộng đồng quốc gia nào cũng có mặt này mặt khác. Nhưng chúng ta tu tập thì phải biết khắc phục những cái tiêu cực, để chuyển thành cái tích cực, biến cái không lành mạnh trở thành ra cái lành mạnh. Chúng ta khắc phục từ nơi tâm cá nhân mỗi người và từ nơi tâm của cộng đồng.

Khi một chuyện xảy ra, chúng ta đừng đổ lỗi cho một cá nhân nào cả, vì trong biệt nghiệp có cộng nghiệp. Nên, mỗi chúng ta phải có trách nhiệm làm cho cái không lành mạnh của quê hương, của xứ sở, của non nước trở thành cái lành mạnh.

Và mỗi người phải biết khởi thiện tâm. Chúng ta tới đâu mà cây cối xanh tươi, chúng ta hãy khởi tâm tùy hỷ, ca ngợi, tán dương, yểm trợ cho cây cối, núi rừng đó trở thành xanh tươi, tú mậu. Và khi đến chỗ nào cây cối chưa xanh tươi, tốt đẹp thì chúng ta cũng khởi thiện tâm, hướng

tâm mình tới chỗ đó, chuyển năng lượng của đại bi tâm của mình đến để cây cối ở đó xanh tươi trở lại.

Đó là chúng ta tu học và chính chúng ta đang lay Bồ Tát Quán Thế Âm. Bởi vì Bồ Tát Quán Thế Âm có mặt ở đâu thì ở đó có an lạc, có sự tươi vui và nơi đó mọi người nhìn nhau bằng con mắt thương yêu của hỷ xả, của bao dung và độ lượng. Và Bồ Tát Quán Thế Âm có mặt ở đâu thì chúng ta biết là ở nơi đó tai nạn vượt qua rất dễ, bởi vì Bồ Tát đến với thế giới con người, đến với muôn loài với vô số hình thức.

Ngài có thể đến với loài người, với muôn loài với hình ảnh của một vị Phật đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Ngài có thể đến với loài người dưới hình ảnh của một vị Bồ Tát đầy đủ chất liệu của đại trí và đại bi, đầy đủ chất liệu của hùng dũng. Và Ngài có thể đến với loài người bằng chất liệu Thanh văn ly dục, tịch tịnh; dưới hình thức của một vị tỷ kheo, một vị đạo sĩ ở ẩn trên núi để đoạn trừ

những khát ái của mình, trước khi vận khởi tâm đại bi cứu độ chúng sanh. Hoặc Bồ Tát Quán Thế Âm có thể hiện thân như một vị trưởng giả giàu có yểm trợ cho các công trình làm lợi ích nhân sinh để phát triển đạo đức cho xã hội. Bồ Tát Quán Thế Âm có thể hiện thân như một vị quốc chủ đầy đủ trí tuệ, đầy đủ từ bi biết dùng đức để an dân. Bồ Tát Quán Thế Âm đã từng hiện thân như là một vị chuyển luân thánh vương. Một vị chuyển luân thánh vương là một vị vua dùng đức để an dân, thống nhất cả bốn châu thiên hạ bằng đức hạnh của mình, luôn luôn tu tập Thập thiện nghiệp đạo và khuyến dạy nhân dân tu tập Thập thiện nghiệp đạo.

Cho nên, vua Trần Nhân Tông của Việt Nam là một hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm. Tôi xin nhắc lại, vua Trần Nhân Tông đời Trần là một hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm dưới hình ảnh của một vị quốc vương, dưới hình ảnh của một vị chuyển luân thánh vương. Nên vua Trần Nhân

Tông đã là vị vua vừa giữ được nước, vừa phát triển được đất nước mà vừa giao hảo hòa bình với các nước láng giềng. Và nhà vua đã đi khắp mọi miền đất nước để dạy dân phá bỏ dâm từ, thực hiện Thập thiện nghiệp đạo.

Thập thiện nghiệp đạo là gì? Đó chính là đạo đức căn bản mà một vị chuyển luân thánh vương ra đời để giáo hóa quần chúng. Vì vậy, đức vua Trần Nhân Tông là một hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm dưới hình ảnh của một vị chuyển luân thánh vương.

Và đại chúng thấy có khi Bồ Tát Quán Thế Âm hiện thân như một vàng mây. Ở trong địa vị tu tập của Bồ Tát có một địa vị gọi là "Pháp Vân địa". Pháp Vân địa là địa vị Bồ Tát tu tập đến mức mà lòng từ bi rộng lớn, đoạn trừ được sự giận hờn, trách móc, chấp ngã ở nơi tâm mình rồi, khiến vị đó như một vàng mây tươi mát, rộng lớn, phủ khắp cả không gian để rưới những trận mưa cam lồ

xuống, khiến trần gian không còn bị đau khổ, bị oi bức của nắng hạ, của phiền não. Và khi mưa cam lồ được tưới xuống, cây cỏ thụ lớn sẽ hấp thụ được nhiều, cây cỏ thụ nhỏ thì hấp thụ ít, cây cỏ thụ vừa thì hấp thụ vừa, nghĩa là vàng mây đó đem mưa đến cho trần gian một cách bình đẳng, nhưng tùy theo thiện căn, thiện tánh từng loài để hấp thụ, để nuôi dưỡng tâm bồ đề của mình.

Vì vậy, ngày hôm nay thầy trò chúng ta đến đây, chúng ta hãy đi từng bước chân thật sâu sắc, chúng ta thở những hơi thở thật sâu sắc, chúng ta ngồi thật sâu sắc và chúng ta tiếp xúc với ánh nắng thật sâu sắc, với những giọt mưa cũng thật sâu sắc.

Nắng mà chuyển tải được chất liệu đại bi, đại trí của Bồ Tát Quán Thế Âm hay bất cứ vị Bồ Tát nào, nắng đó đang làm cho chúng ta ấm lại những lạnh lẽo trong đời sống sinh tử. Những giọt mưa chuyển tải chất liệu đại bi, đại trí của Bồ Tát Quán Thế Âm hay bất cứ vị Bồ Tát nào, thì giọt mưa đó

sẽ làm dịu lại những chặng đường mà chúng ta đã sống và đi qua bị nóng bức ở trong cõi sinh tử. Vì do quá lạnh lẽo, nên chúng ta có cảm giác cô đơn, cảm giác rảnh, trong trần gian này chỉ có một mình ta đau khổ mà thôi; nhưng sự thực không phải thế. Và vì ta nóng bức, ta bị áp lực trong cõi sinh tử, áp lực của cuộc sống, nên ta nghĩ rằng, trong trần gian này chỉ có mình ta bị đốt cháy và chịu khổ não; nhưng sự thực trong trần gian này cũng không phải như thế. Bất cứ ai sống bằng tâm đầy tham lam, sân hận thì đều bị khổ não đốt cháy. Và bất cứ ai sống với tâm đầy từ bi, trí tuệ thì người đó ở đâu cũng an lạc, hạnh phúc, đi trong nắng cũng tươi vui mà đi trong mưa cũng vững chãi, thanh thoi. Mưa và nắng không làm trở ngại người có tâm bồ đề rộng lớn, trí tuệ rộng lớn, từ bi rộng lớn.

Cho nên, chúng ta phải thực tập thật sâu sắc để ngày thực tập của chúng ta tại rừng Bạch Mã có ý nghĩa. Chúng ta đem tất cả lòng thành kính để

xây dựng một quê hương tâm linh ở đây và mọi người gửi tâm hồn về đây, để làm gì? Để làm quê hương cho những người hành hương tâm linh đến đây, tiếp xúc được với tâm đại bi, đại trí của chư Phật, Bồ Tát, mà cụ thể là hình ảnh Bồ Tát Quán Thế Âm.

Bởi vì Bồ Tát Quán Thế Âm là một vị Bồ Tát rất có duyên với tất cả chúng ta, với tất cả chúng sanh nơi thế giới Ta bà này. Ta nhìn dòng suối, nhìn ánh trăng, nhìn vầng mây, nhìn ánh mặt trời, nhìn từng giọt mưa rơi, nhìn hạt sương, nhìn từng cọng cỏ..., không đâu là không có hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Vậy, chúng ta muốn có một y báo đẹp, muốn có một chánh báo đẹp, trước hết chúng ta phải biết sửa soạn cho mình một tâm hồn đẹp, tức là một tâm hồn rộng lớn. Nghĩa là ta làm cái gì cũng vì mọi người, mọi loài, vì quốc gia xã hội, vì hạnh phúc an lạc của thế giới loài người. Khi ta nói và làm, khi ta

sửa soạn cho ta một tâm hồn như thế và hành động với tâm hồn như thế, chắc chắn chúng ta sẽ tạo ra cho mình một y báo trang nghiêm, một chánh báo trang nghiêm. Chúng ta sẽ tạo ra cho chúng ta một không gian rộng lớn để thở, một không gian xanh tươi để cười, một dòng sông đẹp, một dòng suối đẹp để thưởng thức, để chơi. Chính cái chơi và thưởng thức cảnh đẹp với không khí đẹp, với thiên nhiên đẹp đó, làm cho đời sống chúng ta có ý nghĩa.

Và sau khi chúng ta sống đời sống có ý nghĩa như vậy rồi, thì chúng ta mới đem đời sống đó xây dựng đời sống gia đình chúng ta. Trong gia đình chúng ta, từ người lớn đến trẻ nhỏ, ngay cả trẻ em còn đang tượng hình ở trong thai, cũng thừa hưởng được niềm an lạc do sự tu tập của chúng ta đem lại, do tâm nguyện rộng lớn của chúng ta đem lại.

Tiếp xúc và học hỏi:

Chúng ta muốn có y báo chánh báo đẹp, y báo chánh báo trang nghiêm, chúng ta muốn có

một không gian rộng lớn, xanh tươi, đẹp, sạch và trong lành để thở, cười, tiếp xúc và sống, thì chúng ta phải khởi tâm thực hành các điều sau:

Điều thứ nhất: luôn luôn tôn trọng và bảo vệ sự sống của mọi người, mọi loài và thiên nhiên.

Điều thứ hai: chúng ta phải thực tập ý thức tôn trọng sự công bằng, lẽ phải mà thiên nhiên đã ban tặng cho chúng ta.

Quý vị thấy, chúng ta nhìn vào một cái cây thì gốc dưới, ngọn trên. Chúng ta đừng làm đảo lộn ngọn xuống dưới mà gốc lên trên, làm như thế là không tôn trọng công bằng lẽ phải. Mọi pháp tự nó đã an trú đúng vị trí của nó. Chúng ta phải biết tôn trọng sự công bằng, lẽ phải mà thiên nhiên đã hiến tặng cho chúng ta.

Điều thứ ba: chúng ta phải thực tập sự thông minh của thiên nhiên.

Quý vị nhìn vào những bông hoa rừng, quý vị sẽ thấy nó rất thông minh. Hoa biết mùa nào nên

nở, mùa nào nên làm gì, biết rất rõ, không làm đảo lộn. Tuy, hoa không được giáo dục như con người, nhưng nó biết mỗi mùa nên làm gì, biết cách tự nuôi sống chính mình. Nó tồn tại một cách đúng ý nghĩa. Trong lúc đó, chúng ta phải được cha mẹ nuôi, thầy nuôi, ông bà nuôi, xã hội nuôi, rồi khi già không có nơi nương tựa, thì phải có các trại dưỡng lão nuôi.

Nên, mỗi lần chúng ta đi về được với núi rừng là chúng ta học hỏi được rất nhiều. Chúng ta tiếp xúc để khám phá ra chân như ở nơi mỗi sự hiện hữu của núi rừng, để có cơ hội khám phá ra chân như ở nơi tự thân của mỗi chúng ta, nơi tự tâm mỗi chúng ta và ngay trong đời sống của mỗi chúng ta. Khi chúng ta khám phá ra được như thế, chúng ta thực tập được như thế, đi đến đâu, sống với ai, chúng ta cũng chế tác ra được hạnh phúc. Và lẽ đương nhiên, tính kiêu căng nơi mỗi chúng ta tự nó tiêu tan.

Chúng ta cố gắng có một đời sống nhẹ, nhưng không bao giờ chúng ta nhẹ nổi như một vầng mây. Chúng ta cố gắng làm cho đời sống của mình có trọng lượng, nhưng không bao giờ chúng ta có trọng lượng nặng được như một trái núi. Chúng ta cố gắng sống cho lâu, kiếm cho được thuốc trường thọ, nhưng chúng ta không sống lâu bằng một cây rừng.

Như vậy, một ngày thầy trò chúng ta về đây học tập, thiền hành, nghe pháp thoại, chiêm bái cũng đủ để chúng ta chiêm nghiệm những bài học quý báu của núi rừng đã hiến tặng cho chúng ta. Bài học không thầy giáo, bài học không cần trường lớp, không cần khoa bảng, nhưng chính bài học đó là bài học sống động ngàn đời mà chúng ta không bao giờ học hết, không bao giờ biết hết. Ngôn ngữ của núi rừng đã nói với ta rất nhiều, nếu chúng ta biết nghe, biết nhìn, biết cảm nhận và biết học tập. Nhìn một gốc cây thông, một gốc sến, một gốc cây lim, một

cây bàng, nghe một dòng suối chảy, một tiếng chim hót..., tất cả những cái đó đều là thực tại màu nhiệm, những bài học vô giá mà chúng ta cần phải học để quán chiếu lại thân tâm của mình, để ta sống cho đẹp và có ý nghĩa với muôn loài như núi rừng.

Ở trong rừng này có hàng ngàn sinh thú đang sinh hoạt. Thế mà núi rừng chưa bao giờ vỗ ngực nói rằng tôi che chở muôn loài, che chở muôn thú. Thế mà muôn thú được rừng che chở an toàn.

Còn con người làm được cái gì là vỗ ngực ta đây đối với cái ấy. Vì cái ta đây, nên muôn đời thấp thỏm.

Do đó, bài pháp thoại này xin đại chúng nhớ và thực tập để mình cũng sống lâu như núi rừng, cũng xanh đẹp như núi rừng, cũng đem lại nhiều lợi ích như núi rừng và cũng có thể che chở được cho muôn loài như núi rừng. Che chở mà không nói che chở, lợi ích mà chẳng nói lợi ích, mới là lợi ích, mới là che chở thật sự.

Muốn như vậy, tất cả đại chúng phải thực tập ba điều tôi vừa nói. Và ba điều đó, mình phải đi từ nơi trái tim từ bi, từ nơi trái tim trí tuệ của mình, nuôi dưỡng trái tim đó, thì dứt khoát chúng ta ở đâu cũng đều có y báo, chánh báo trang nghiêm, ở đâu cũng có cây xanh, bóng mát, có trời xanh mây trắng. Còn nếu tâm chúng ta khô gầy, thì chúng ta sẽ không thừa hưởng được rừng xanh mây trắng, không gian thanh thang đâu. Cảnh không có sâu, mà sâu là vì tâm người. Cho nên, người mà buồn thì cảnh có đẹp nữa, cũng buồn theo con người thôi. Đó là những điều mà đại chúng cần phải lưu ý.

Nên, về đây là mình phải thực tập để làm cho tâm mình rộng lớn, vững chãi, xinh tươi, có ý nghĩa như một khu rừng xanh tươi mà chúng ta đã được khu rừng xanh tươi hiến tặng. Đó chính là bài pháp thoại "tiếp xúc với núi rừng Bạch Mã qua con mắt thiền quán".

Lòng biết ơn:

Trước khi dứt lời pháp thoại, chúng tôi xin thay mặt đại chúng tu học hiện tiền, xin cảm ơn hồn thiêng sông núi, xin cảm ơn những vị có chức trách đối với khu rừng Bạch Mã, dù là vô hình hay hữu hình. Và suốt thời gian một ngày trong khu rừng này, Thầy trò chúng tôi có những điều tốt đẹp nào, thì xin hồi hướng cho tất cả, có những vụng về gì thì cũng mong quý vị niệm tình tha thứ cho tất cả chúng tôi.

Nguyện đem công đức này
Hương về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo.

Nguyen Nhã kính ghi

TIẾP XÚC VỚI BIỂN TRONG CON MẮT THIÊN QUÁN

(Pháp thoại Thầy Thích Thái Hòa giảng)

"Thưa đại chúng, hôm nay là ngày 8 tháng 5 năm Kỷ Sửu tức là ngày 31-5-2009 tại rừng dương liễu, bãi biển An Lộc, xã Quảng Công, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế, chúng ta có bài pháp thoại "Tiếp xúc với biển trong con mắt thiên quán".

Thưa đại chúng ! Biển có những tính chất nào mà chúng ta có thể tiếp xúc và học tập được từ nơi những tính chất ấy.

- Tính sâu va cạn:

Ta sẽ tiếp xúc tính cạn và sâu của biển để ta có thể tiếp xúc tính cạn và sâu trong tâm linh của mỗi chúng ta. Biển đi từ cạn ra sâu và đến chỗ sâu hun hút.

Ta tiếp xúc với sắc thân này cũng vậy. Sắc

thân được tạo nên từ bốn đại: đất, nước, gió, lửa. Đất là thể rắn nơi thân thể chúng ta; nước là thể lỏng, gió là thể khí và lửa là thể nhiệt ở nơi thân thể chúng ta. Nhìn sâu vào, bề cạn của thân thể được tạo nên từ các cảm thọ và các cảm giác. Do có cảm giác nên thấy có vui, có buồn và không vui, không buồn. Cái gì làm cho ta vui, cái gì làm cho ta buồn, cái gì làm cho ta không vui, không buồn ? Khi tâm ta tiếp xúc với các đối tượng mà ta thích ý sẽ phát sinh cảm giác vui thích trong ta. Khi ta tiếp xúc với các đối tượng không khả ý, thì cảm giác khó chịu nảy sinh trong ta, và khi ta tiếp xúc với đối tượng, mà tâm ta không phải vừa ý, cũng không phải không vừa ý, ta có cảm giác trung tính. Như vậy, những cảm giác dễ chịu, khó chịu, trung tính đều nương nơi sắc uẩn này mà biểu hiện.

Rồi ta đi sâu vào chiều sâu của các cảm thọ. Chiều sâu của cảm thọ là gì ? Là tướng, là ý tướng. Có những trường hợp mà đối tượng không là gì cả,

nhưng do ta tưởng tượng, nên thích ý thì vui, không thích ý thì buồn. Do đó, cái vui, buồn chỉ là cảm giác ảo do tưởng. Người đó không thương mình, mà tưởng là thương thì vui, người đó không ghét mình mà tưởng là ghét nên buồn, đó là ảo tưởng.

Nên, tưởng là chiều sâu của thọ uẩn, sắc uẩn.

Chiều sâu của tưởng là gì ? Sau tưởng là các chủng tử của tâm hành. Tâm là một biển cả mênh mông. Các chủng tử tâm hành giống như sóng và bọt của sóng trên mặt biển. Chính tâm hành đó làm tâm ta vẫn đục, không an ổn. Tâm hành là những hạt giống có khả năng tác nghiệp để dẫn đến quả báo khổ hay vui. Tâm hành tác động liên hệ đến các phiền não, tham, sân, si mãnh liệt bao nhiêu, thì ta sẽ có quả báo khổ đau bấy nhiêu. Tâm hành liên hệ đến thiện tâm sở vô tham, vô sân, vô si bao nhiêu thì sẽ tạo ra quả báo hạnh phúc an lạc cho ta bấy nhiêu.

Như vậy, tâm hành là chiều sâu của tưởng.

Sau các chủng tử tâm hành là gì ? Là nhận thức, còn gọi là thức uẩn. Thức uẩn là một tập hợp của tám nhận thức:

- Nhãn căn tiếp xúc với sắc trần, phân biệt thuộc về mắt khởi sinh, gọi là nhãn thức.

- Nhĩ căn tiếp xúc với thanh trần, phân biệt thuộc về tai khởi sinh, gọi là nhĩ thức.

- Tỷ căn tiếp xúc với hương trần, phân biệt thuộc về mũi khởi sinh, gọi là tỷ thức.

- Thiệt căn tiếp xúc với vị trần, phân biệt thuộc về lưỡi khởi sinh, gọi là thiệt thức.

- Thân tiếp xúc với xúc trần, phân biệt thuộc về thân khởi sinh, gọi là thân thức.

Năm cái biết thuộc về mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là bề mặt, là cái biết vô hại, chúng chưa liên hệ đến ý thức.

Khi ý thức duyên vào năm nhận thức đó, mà khởi lên sự phân biệt tốt xấu, hay duyên vào những ấn tượng tồn đọng trong a lại da thức mà khởi lên

những tư niệm hay tác ý và tùy theo mức tác ý liên hệ đến các chủng tử tham, sân, si, mạn, nghi hay liên hệ đến các thiện tâm sở, mà tạo ra nghiệp thiện hay ác và từ đó mà dẫn quả báo lành hay dữ.

Sau ý thức là mặt-na thức, tức là thức chấp ngã. Thức này chấp vào kiến phần của thức A lại da là ngã của nó.

Yếu tố thứ tám là A-lại-da thức. Thức này hàm chứa tất cả những chủng tử do nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mặt-na thức tạo tác, rồi đưa vào trong thức này cất giữ, khiến cho các chủng tử thiện ác không bị rơi mất. Vì vậy, đối với bảy thức trước, thức này được xem như là biển cả. Bao nhiêu chủng tử thiện, ác, tốt, xấu đều được hàm chứa ở trong biển a-lại-da thức này.

Cho nên, chúng ta tiếp xúc với biển cả là tiếp xúc từ cạn đến sâu và tiếp xúc với tâm thức của chúng ta cũng từ cạn đến sâu, từ xấu đến tốt. Trong biển tâm của chúng ta hàm dung tất cả chủng tử

thiện, ác, tốt, xấu. Nếu thông minh, ta sẽ nuôi dưỡng và biểu hiện những hạt giống tốt để tạo ra vô lượng phước đức. Còn không thông minh, ta sẽ nuôi dưỡng và biểu hiện những hạt giống xấu, rồi sẽ tạo ra vô số nghiệp xấu ác, khổ đau cho ta.

Tính động và tịnh:

Biển động ở trên bề mặt, nhưng càng xuống sâu bao nhiêu lại càng yên tịnh bấy nhiêu. Nên cái động của sóng chỉ là cái động của hiện tượng bên ngoài.

Nhìn vào tâm thức chúng ta cũng vậy. Trong A-lại-da thức luôn luôn biến động, nhưng đó là cái động của nghiệp lực. Chiều sâu của nó là bất động, vì trong chiều sâu là Phật tính, là bản tính giác ngộ. Chúng ta phải biết tu tập để quay về với bản tính chân thường tự tại, với tự tính giác ngộ trong mỗi chúng ta.

Qua cái động của biển, mà ta tiếp xúc được cái động của tâm. Qua cái tịnh của biển mà ta tiếp xúc được cái tịnh của tâm. Tự tính vô ngã là bản

thể thường trú của tâm, mà ta chỉ tiếp xúc được qua con mắt thiên quán.

Tính dung và bất dung :

Biển dung hết tất cả xấu ứ của bao nhiêu sông ngòi ao rãnh đổ về. Dung mà vô hại, vì biển vừa có tính bao dung vừa có tính chuyển hóa.



A-lại-da thức của ta cũng dung hết tất cả những thiện, ác, tốt, xấu. Ví dụ, quý vị ngồi nghe trong giờ phút này, trong không gian này, tất cả sẽ đi vào tiềm thức, vào a-lại-da thức. Chúng ta tưởng là sẽ quên, nhưng không bao giờ quên cả, chỉ là ẩn tàng. Đủ điều kiện, đủ duyên thì mọi chuyện sẽ hiện ra trước mắt. Nhờ đó mà những lời pháp ta học được hôm nay cũng sẽ không bao giờ quên. Quên, nhưng rồi sẽ nhớ, khi có một điều kiện nào xảy tới. Đó là tính dung nhiếp của a-lại-da thức.

Tính bất dung của biển là gì ? Tính bất dung của biển là những rác bần thải ra biển đều trả lại cho bờ. Nên đặc tính của biển là không dung chứa tử thi, không dung những ô nhiễm nhớp nhúa. Cũng vậy, a-lại-da thức, vùng Phật tính cũng không dung những ô nhiễm, phiền não của cuộc đời, nên tu là lướt sóng để chạm tới vùng thanh tịnh của tâm, tức là ta phải vượt qua chướng ngại do phiền não và vô minh tạo ra.

Vậy, chúng ta phải thấy rõ những điều ấy, để ứng dụng vào đời sống hằng ngày của chúng ta.

Tính đồng nhất:

Sông ngòi, ao rãnh, hồ khi về biển đều mang tính chất riêng của nó. Nhưng khi tới biển rồi, thì chỉ còn một mùi vị duy nhất là vị mặn. Đó là tính đồng nhất của biển. Cũng vậy, mỗi chúng ta khi đến thế giới này đều mang theo một nghiệp lực, một tâm thức khác nhau. Chúng ta đến với đạo Phật, có nhiều nguyên nhân khác nhau. Có người vì

cha mẹ mất, có người vì thất tình lục dục, vì những hoàn cảnh éo le ngang trái mà đến, nhưng cũng có người đến với đạo Phật là do khát vọng của tri thức, có người do tâm nguyện rộng lớn... Mỗi người một hoàn cảnh, nhưng khi đã hòa nhập và đạt tới chánh quả của đạo rồi, thì tất cả đều gặp nhau trong một mùi vị duy nhất là mùi vị giải thoát, giác ngộ. Có người không hiểu, sẽ cho đạo Phật là bi quan, yếm thế. Và dù thực hành theo pháp môn nào, thiền, tịnh hay mật tông, cũng đều đi đến một cứu cánh là niết bàn giải thoát.

Do vậy, thấy được tính đồng nhất của biển để thấy được tính đồng nhất của các pháp môn. Thấy được điều đó, tâm ta sẽ bao dung hơn, cuộc đời tu hành sẽ thông dong tự tại, không còn phân biệt hơn thua phải trái, không còn đối đãi kỳ thị bên này bên kia. Mọi người khác nhau trong nghiệp lực, nhưng đồng nhất nhau trong Phật tánh.

*"Nơi gặp gỡ là lời thơ chưa biến động
Là chỗ tận cùng suối vắng của tâm linh".*

Khi thấy được sự đồng nhất của biển và của tâm thức như vậy, ta phải có pháp hành như thế nào ? Đó là pháp hành “lướt sóng mà đi”. Mỗi chúng ta khi tu học ai cũng có khó khăn, trở ngại nhưng ta phải biết vượt qua chướng ngại đó, nên gọi là lướt sóng mà đi. Nếu không, ta sẽ bị sóng nhấn chìm hoặc đẩy chúng ta vào bờ. Lướt sóng ở đây là lướt sóng đời và cả sóng đạo để đi tới với bờ giác. Chúng ta phải biết lướt sóng nơi nhãn thức mà đi, lướt sóng nơi nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạng-na thức để về với tâm thức thanh tịnh vốn có trong tự tánh của mình. Nếu không, ta sẽ bị chìm đắm trong biển cả sinh tử, gió dập sóng vùi và trôi lăn mãi trong vòng sinh tử. Lướt sóng thức mà đi, để ta không còn bị mắc kẹt nơi nhân, nơi ngã, nơi pháp và phi pháp. Và như vậy, là ta sẽ đến bến bờ bên kia (paràmità), đến bến

bờ giải thoát, giác ngộ ”.

Đó là bài pháp thoại mà tôi xin chia sẻ cho đại chúng trong ngày chánh niệm hôm nay: "Tiếp xúc với biển trong con mắt thiền quán" với pháp hành là "lướt sóng mà đi ".

Huế, Hạ - 2009

Uyên Như kính ghi.

TIẾP XÚC VỚI CHA MẸ QUA Ý NGHĨA VU LAN

*(Thầy Thích Thái Hòa giảng trong dịp lễ Vu Lan 2009,
tại Như Lai Thiên đường chùa Phước Duyên - Huế)*

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Thưa đại chúng! Có nhiều người hỏi tôi thế nào là song thân phụ mẫu, thế nào là tứ thân phụ mẫu, thế nào là thất thế phụ mẫu và thế nào là pháp giới đa sanh phụ mẫu. Đó là những từ ngữ, những tình cảm mà mùa Vu Lan mọi người nhắc tới và đề cập tới nhiều nhất.

Tiếp xúc với song thân phụ mẫu

Trước hết là cha mẹ ở trong đời hiện tại của chúng ta. Mỗi chúng ta ai cũng sinh ra và lớn lên từ cha và mẹ.

Người nào có phước báo lớn thì người đó mới được sinh ra có đủ cả cha và mẹ, được cha mẹ

nuôi dưỡng chu đáo. Người có phước báo lớn là người như thế nào? Đó là người được sinh ra từ cha và mẹ, được cha mẹ chăm sóc, giáo dục chu đáo và làm chỗ nương tựa tinh thần cho mình suốt đời. Những người con như vậy là những người con có thực tập hạnh hiếu kính nhiều đời, nên đời này sinh ra, có được người cha dễ thương, người mẹ dễ thương. Còn người nào đời này sinh ra, gặp người cha không dễ thương, mẹ không dễ thương; hoặc là cha dễ thương, mẹ không dễ thương; hoặc mẹ dễ thương, cha không dễ thương, chúng tỏ nhiều đời về trước, sự hiếu kính của mình không được trọn vẹn, bị khuyết tật, hoặc quá hiếu kính với cha mà coi thường mẹ, hoặc hiếu kính với mẹ mà coi thường cha, nên đời này rơi vào trạng thái hoặc là cha thương hoặc mẹ thương, hoặc cha còn sống mà mẹ qua đời; hoặc mẹ còn sống mà cha qua đời; rơi vào tình trạng mồ côi cha, mồ côi mẹ. Có những vị sinh ra cả cha lẫn mẹ đều chết chúng tỏ đời trước

mình ăn ở không có hiếu với cha mẹ nên bị quả báo như vậy.

Cho nên, đây là giờ phút để mình coi lại phước đức của mình, phước đức của người làm con.

Bây giờ ai đã 80 tuổi rồi mà vẫn còn cha mẹ, chúng tỏ vị đó nhiều đời có hiếu với cha với mẹ, nên họ được phụng dưỡng cha mẹ và ở trong vòng tay của cha mẹ, vẫn được cha mẹ thương, quý, "cha mẹ già trăm tuổi, còn thương con tám mươi, ân ái có đoạn chẳng chỉ hơi thở cuối cùng".

Giữa đời này không có cái gì là ngẫu nhiên hết. Mất cha mẹ sớm hay được cha mẹ thương và quý, được để tang cha mẹ khi cha mẹ qua đời, hay được thờ phụng cha mẹ mình khi đã qua đời, điều đó liên hệ đến phước báo của mình nhiều đời, chứ không phải là ngẫu nhiên. Vậy nên, chúng ta nhìn phước đức của chính mình, rồi nhìn phước đức của những người chung quanh để có thể chọn cho mình một cách đối xử với cha mẹ mình trong hiện tại và

biết đối xử với cha mẹ mình bằng tâm hiếu kính.

Chúng ta phải biết rằng, người nào càng biết ơn, thì người đó càng có hạnh phúc, còn thế giới khổ đau dành cho những người vô ơn. Kẻ vô ơn dứt khoát tạo ra thế giới địa ngục cho họ, tạo ra thế giới ngạ quỷ cho họ, tạo ra thế giới súc sanh cho họ. Người sống biết ơn thì tạo ra thế giới nhân đạo, thế giới của chư thiên, thế giới của Bồ tát và Phật cho họ.

Vì vậy, chúng ta ai cũng sinh ra từ cha mẹ, nhưng phước báo mỗi người mỗi khác, nên mùa Vu Lan trở về, ta có cơ hội nhìn lại phước báo của mình để thấy phước báo của mình còn khuyết ở điểm nào thì cố gắng tu tập để bổ sung mặt đó, để ngay trong hiện tại, mình có thể hoàn thiện tương lai của mình, vì tương lai có mặt ngay trong đời sống hiện tại này.

Trong kinh Địa Tạng có nói, chúng sanh đọa vào địa ngục, muôn kêu "cha ơi" mà không được,

muốn kêu "mẹ ơi" mà không được. Cho nên "cha ơi", "mẹ ơi" là tiếng gọi tình cảm, tiếng gọi phước báo của con người. Còn bất hiếu thì không gọi được tiếng "cha ơi, mẹ ơi".

Quý vị cứ nghĩ rằng, loài súc sanh, ví như con chó chẳng hạn, nếu mình hỏi "chó ơi chó, cha con ở đâu"- nó không chỉ được, "ông nội con ở đâu, bà ngoại con ở đâu"- thì nó lại càng không biết. Cho nên, ta còn có đủ cả ông nội, bà nội; có đủ cả ông ngoại, bà ngoại; còn có đầy đủ cha mẹ; có đủ cả hai dòng họ nội ngoại là phước báo của chúng ta ở trong loài người. Hễ mình không biết trân trọng, không biết hiếu kính, thì phước báo làm người của mình sẽ bị rơi mất. Mỗi khi bị rơi mất, mình sẽ sinh vào đâu? Sinh vào thế giới loài người không có cha mẹ, không biết cha ở đâu, không biết mẹ ở đâu, không biết dòng họ mình ở đâu.

Nếu quả báo khốc liệt hơn, thì mình có thể bị rơi vào loài súc sanh, và nếu khốc liệt hơn nữa, thì

sẽ bị rơi vào những loài thấp kém hơn ở nơi địa ngục. Cho nên, ta phải thấy mình có cha có mẹ, mình biết dòng họ nội ngoại của mình, tổ tiên của mình, đó là phước báo lớn lắm của loài người, đó là nét đặc biệt của loài người.

Làm loài người sinh ra ở những nơi biên địa hạ tiện, họ không biết dòng họ nội ngoại. Mấy người Tây phương chưa hẳn họ đã biết dòng họ nội ngoại của họ một cách kỹ lưỡng, ngay cả cha mẹ của họ, mới 60 tuổi, họ đã cho vào ở viện dưỡng lão. Cho nên, tiếng gọi "cha" "mẹ" không phải dễ đâu. Nhiều người Tây phương qua Việt Nam mà tôi có dịp đã tiếp xúc, họ nói với tôi rằng, họ rất thích đạo lý Á Đông, vì họ thấy giữa người chết và người sống rất gần gũi với nhau, và hình như có mặt bên nhau; trong đời sống gia đình ba bốn thế hệ có thể sống chung được với nhau, đó là nét đặc biệt của đạo lý Việt nam, mà Tây phương không có.

Do đó, ta sinh ra ở Việt nam, ta có phước

báo đó của người Việt nam, nhưng nếu ta sinh qua các nước Tây phương, ta có thể có phước báo hưởng thụ những tiện nghi vật chất, còn những phước báo tình cảm dài lâu giữa cha mẹ và con cái thì khó có thể.

Có một thầy học trong Vạn Hạnh ra thăm tôi, thưa với tôi " Bạch Thầy con có học bổng đi học Tiến sĩ ở Mỹ, nên con ra thăm và đánh lễ Thầy, để con đi học. Thầy có khuyên con điều gì không?". Tôi cười và nói "Con học xong cử nhân là con có đủ căn bản trí thức để biết rồi. Nhưng dù sao, Thầy cũng nói cho con biết rằng, ở bên Tây phương đời sống tinh thần nghèo lắm. Do đó, con phải liệu lo lấy tinh thần của con cho con. Qua đó, dứt khoát con sẽ nghèo đời sống tinh thần, nghèo đời sống tình cảm. Còn những thứ khác, Thầy không có nói". Thì đúng ngày hôm kia, tôi nhận email của Thầy ấy, Thầy ấy nói cho tôi biết rằng: "Thầy ơi, Thầy nói đúng như nhà tiên tri vậy. Con không

tưởng tượng được, con người nơi đây rất thèm khát thời gian và tình cảm". Và tôi đã trả lời bằng email cho Thầy ấy, tôi nói "con sẽ tiếp tục băng giá, lạnh lẽo nữa, chứ không phải chỉ ngang đó đâu".

Cho nên, tôi nói để quý vị thấy, mình có phước báo sống trong tình cảm thiêng liêng của cha và mẹ, từ đó mình có tình cảm thiêng liêng giữa con người với con người. Nếu mình không có tình cảm giữa cha và mẹ nuôi dưỡng, mình không có hấp thụ tình cảm từ cha và mẹ, thì mình đi ra giữa xã hội sẽ không bao giờ có tình người. Cho nên, muốn có tình người, trước hết phải có tình cha, tình mẹ sưởi ấm, nuôi dưỡng mình.

Vu Lan về, mình có cơ hội tiếp xúc với cha mình, với mẹ mình một cách đích thực. Do đó, mẹ mình chết rồi mà vẫn còn, cha mình chết rồi mà vẫn còn; chứ không phải cha mình đang sống đó mà không còn, mẹ mình đang sống đó mà không còn. Nếu cha mình sống đó mà không còn, mẹ

mình sống đó mà không còn, chúng tỏ ngay trong đời sống hiện tại, mình đã mất phước báo làm con và cha mẹ cũng đã mất đi phước báo làm cha mẹ!

Dường như ở nước Mỹ, phước báo làm cha mẹ chỉ có 18 năm, phước báo làm con cũng chỉ có chừng đó thôi. Tức là từ 1 đến 18 tuổi, con cái sống trong gia đình, có cha có mẹ, cha nói con nghe, con nói cha mẹ nghe. Qua 18 tuổi, họ mất phước báo đó rồi, cha mẹ mà đụng đến con cái là con cái gọi ngay cảnh sát. Còn ở Việt Nam mình, hễ cha mẹ còn sống ngày nào thì có quyền làm cha mẹ ngày đó, và dù con cái đã đến 80 tuổi đi nữa, thì vẫn còn có quyền làm cha mẹ và la rầy con cái như thường.

Cho nên, trên trái đất này, nếu chọn phước báo làm người, thì tôi sẽ chọn dân tộc Việt Nam; và chọn sinh ra ở nhà quê. Bà mẹ nhà quê dễ thương lắm, ông cha nhà quê dễ thương lắm. Bà mẹ nhà quê dễ thương hơn bà mẹ thành phố. Tôi nói như thế thì có đụng chạm đến một số bà mẹ ở thành phố.

Bởi vì, nếu sinh vào nơi nhà bà mẹ thành phố, mình có thể bị mẹ mình nói láo với mình khi mình mới 3 tháng: bà không cho mình bú trực tiếp sữa của bà, khi mình khóc, bà sẽ lấy núm vú cao su nhét vào miệng mình, và bảo "vú và sữa của mẹ đây, con bú và nín đi!". Còn bà mẹ quê thì cho con bú mớm 3 năm. Vì thế khi tôi tái sinh làm người, tôi sẽ chọn bà mẹ nhà quê. Bà mẹ tôi là một bà mẹ nghèo, vì không có tiền mua sữa cho con, nên bà sẽ cho con bú sữa trực tiếp của mình. Chính hành động của bà mẹ cho con bú trực tiếp sữa của mình là hành động và cử chỉ hết sức cần thiết đối với người con. Vì đó là hành động và cử chỉ tạo nên trái tim và ngôn ngữ tình cảm đầu tiên nuôi dưỡng chúng ta.

Khi nghe pháp thoại này, thì các bà mẹ quê cũng vui phải không? Và các bà mẹ thành phố có những vị cũng giật mình phải không? Cho nên, đã có nhiều bà mẹ thành phố hỏi tôi tại sao con của

mình quá ngộ nghich, dạy không được. Không phải nó ngộ nghich, mà tại vì ngay buổi đầu, mình nuôi nó bằng sữa bò, bằng sữa ensure... nên sự hình thành tình cảm giữa bà mẹ với người con đã mất đi chất xúc tác hữu cơ căn bản.

Ngay từ buổi lọt lòng, trái tim của người con đã bị bà mẹ “hiện đại hóa”, bằng núm vú cao su và sữa bò công nghiệp, thì khi lớn lên người con cũng sẽ có hành động, ngôn ngữ và tình cảm “hiện đại hóa” như bà mẹ của nó đã “hiện đại hóa” cho nó ngay từ buổi đầu! Đây là điều mà những người làm cha mẹ hiện nay sinh con và nuôi con cần phải lưu ý!

Tiếp xúc với tứ thân phụ mẫu

Khi mà chúng ta thiết lập đời sống hạnh phúc lứa đôi, mỗi người chúng ta có đến hai cha hai mẹ. Khi người này đã trao trái tim cho người kia và người kia đã trao trái tim của họ lại cho người này thì trong trái tim đó, kèm theo cha mẹ bên này và cha mẹ bên kia. Khi mình có gia đình

rồi, mình nhìn vào trái tim có bốn hình ảnh, hình ảnh của cha mẹ mình, hình ảnh của cha mẹ chồng hoặc vợ mình, và khi đó, mình đối xử như thế nào? Mình đối xử với cha mẹ chồng mình cũng như cha mẹ mình và đối xử với cha mẹ vợ mình cũng như cha mẹ mình. Mình hiến tặng trái tim mình cho người mình yêu và được cha mẹ của hai bên và dòng họ hai bên cho phép, như vậy mình từ một cha, một mẹ trở thành hai cha, hai mẹ. Giàu không? Mình giàu cha mẹ, thì mình giàu tình cảm, và giàu tình cảm thì trách nhiệm của mình đối với những tình cảm ấy lại nặng hơn. Còn nếu mà mình có vợ, hoặc có chồng rồi, nhưng khi làm vợ, mình coi cha mẹ chồng không ra gì hoặc khi làm chồng, mình coi cha mẹ vợ không ra gì, thì hạnh phúc của mình thế nào? Chắc chắn, hạnh phúc của mình sẽ khó bảo toàn!

Cho nên khi đã có gia đình rồi, trong trái tim mình phải có cả bốn hình ảnh cha và mẹ. Bốn hình

ảnh này phải bình đẳng. Còn nếu mình nghiêng về một phía, hoặc bên nặng bên nhẹ là hạnh phúc của gia đình mình không có gì bảo đảm cả. Nếu mình làm dâu, làm rể mà coi trọng cha mẹ mình hơn cha mẹ chồng hoặc vợ thì hạnh phúc của mình bắt đầu lung lay, chiếc xe đi trên đường đời của mình bắt đầu nghiêng bánh và nếu gặp một cục đá nhỏ cũng có thể nhào xuống hố. Phải không? Phần nhiều hạnh phúc đổ vỡ không phải chỉ do hai người không đồng quan điểm mà đôi khi là do cha mẹ cả hai bên không đồng quan điểm cũng tạo ra đổ vỡ. Cho nên, hạnh phúc của chúng ta được bảo toàn không phải chỉ có hai ta mà còn nhờ cả hai phía nội ngoại của chúng ta giúp ta nữa.

Do đó, ân nghĩa mà chúng ta có được hạnh phúc trong đời sống gia đình nhờ vào cha mẹ cả hai phía là rất lớn. Người đời có câu rất hay "thông gia là bà con tiên". Bà con tiên chứ không phải bà con ở trần gian! Nên tình thông gia là quý lắm. Vì vậy,

vợ chồng có gì không bằng lòng mà nghĩ đến cha mẹ hai phía là tự nhiên sẽ được hóa giải. Mình đi tới với nhau đừng nông nổi. Mình phải đi tới với nhau bằng sự thông minh để tạo ra sự an ổn cho cha mẹ hai phía và hạnh phúc, an toàn từ hai phía. Đừng đại nghiêng về một phía! Nghiêng về một phía là hạnh phúc của hai phía sẽ đổ vỡ liền.

Trừ phi mình ở từ đường thì thôi, chứ tôi nghĩ rằng, ngôi nhà do hai vợ chồng làm nên, nếu cha mẹ cả hai bên đều đã qua đời, mình nên thờ cha mẹ cả hai phía. Cháu nội, cháu ngoại gì vào thắp hương cũng có thể thấy được ông bà nội ngoại của mình. Hình ảnh thờ phụng như vậy rất là đẹp.

Con gái hay nghĩ rằng, ba mẹ mình đã có con trai thờ rồi. Con trai chắc gì đã thờ. Biết đâu nó theo đạo không có ông bà thì sao, lại còn ham đá bóng, cafe, quán nhậu,... tâm trí mờ tối có biết ân nghĩa cha mẹ như thế nào đâu mà thờ! Cho nên, trong tim mình có cha thì cũng có mẹ, có ông bà

nội thì cũng phải có ông bà ngoại. Làm được như thế thì chuyện trọng nam khinh nữ trong xã hội sẽ bị xóa dần, vì con trai hay con gái gì cũng đều thờ cha mẹ hết. Do đó, mình phải đổi cách nhìn, cách hành xử mới có khả năng xóa đi ý niệm trọng nam, khinh nữ trong dòng tộc và ngoài xã hội.

Tôi nghĩ rằng, các chương trình giáo dục hiện nay, nên giáo dục như thế. Còn nếu giáo dục mà quên mất tổ tiên ông bà, đó là một sự giáo dục khiếm khuyết, và giáo dục thiên về bên nam, khinh bên nữ hay thiên về bên nữ, khinh bên nam cũng là sự giáo dục khiếm khuyết. Bởi vì giáo dục như thế thiên về một phía, làm cho sự an toàn của gia đình và xã hội bị nghiêng đổ. Vì vậy, mình phải đổi lại cách nhìn, cách suy nghĩ, cách giáo dục để đời sống con người có sự an toàn. An toàn ngay trong đời sống gia đình, tín ngưỡng tâm linh, và như vậy đời sống xã hội cũng sẽ an toàn. Đây là một trong những sự thật về hạnh phúc gia đình và an toàn xã

hội mà các nhà làm Đạo đức, làm Văn hóa, làm Giáo dục, nhà Lập pháp, Tư pháp và Hành pháp cần phải biết.

Trong Phật giáo đã nói đến tứ thân phụ mẫu, ta cần khai triển tinh thần này để có cách nhìn mới hơn đối với nam và nữ, đối với con trai và con gái. Tôi nghĩ rằng, quan niệm "tứ thân phụ mẫu" đã có từ rất lâu trong cái nhìn duyên khởi của Phật giáo, và đã đóng góp vào trong gia tài đạo đức, tín ngưỡng và văn hóa Việt Nam. Nên, ta cần khai triển tinh thần "tứ thân phụ mẫu" này để áp dụng vào đời sống gia đình và đời sống tâm linh.

Ngôi nhà cha mẹ cho con gái của mình mà người rể được kế thừa, nhưng khi thờ thì chỉ thờ cha mẹ bên chồng, còn cha mẹ bên vợ không được thờ. Như vậy thật vô lý, không ai chấp nhận được. Mình lấy vợ được cha mẹ vợ cho nhà cửa, mà mình chỉ thờ cha mẹ mình, còn cha mẹ vợ mình không thờ, như vậy thì nhân nghĩa của mình như thế nào?

Công tâm và đạo đức của mình ra sao? Cho nên, mình phải có cách nhìn mới, có cách giáo dục mới để vấn đề nhân nghĩa của con người được vẹn toàn, đạo đức của con người được thăng hoa. Nên, tôi nghĩ rằng, nếu muốn bình đẳng nam nữ, thì trước hết ta nên bình đẳng từ điếm này. Và từ nơi điếm này mà đời sống hạnh phúc gia đình của con người được ổn định và thăng hoa, xã hội sẽ bớt đi rất nhiều gánh nặng.

Tiếp xúc với thất thế phụ mẫu

Thất thế phụ mẫu tức là bảy đời cha mẹ. Đó là từ ngữ ta hay nghe trong mỗi dịp Vu lan về. Tại sao không lấy tám đời, chín đời, mười đời mà chỉ lấy bảy đời thôi?

Lấy bảy đời là lấy theo cách nhìn của một vị thánh giả Dự lưu. Bởi vì vị thánh giả khi tu tập đạt tới quả Dự lưu, tức là họ gia nhập vào dòng thánh. Mỗi khi đã gia nhập được vào dòng đời bậc thánh, thì vị đó chỉ còn ở trong sinh tử bảy đời nữa. Cho

nên, trong bảy đời đó, vị ấy cần phải có cha mẹ và chọn cha mẹ để tái sinh.

Như chúng ta chưa chứng được thánh quả Dự lưu, thì không biết đến khi nào mới hết sinh tử, nhưng vị thánh giả Dự lưu, bằng tuệ giác, biết được còn bảy đời nữa thì thoát ly sinh tử.

Do đâu mà vị thánh giả này thấy được? Là do tu tập, vị ấy đoạn trừ được nghi ngờ đối với Phật Pháp Tăng và đoạn trừ được những tín điều sai lầm, còn đối với tham sân si, thì chưa đoạn được hẳn, nhưng đã chế ngự được đối với chúng.

Trong đời sống, ta tham cái gì là ta không thấy được cái đó và không thấy được những gì chung quanh cái đó. Ta tham ăn thì không thấy cái gì khác mà chỉ thấy ăn thôi, và một đôi khi ta cũng không thấy được cái ta đang ăn, nên ta ăn một cách thô bạo và rất thiếu văn hóa. Do đó, mỗi khi chế ngự được tham thì tầm nhìn của ta rộng lớn ra. Chế ngự được sân, tầm nhìn của ta sẽ lớn ra. Chuyển

hóa được tâm nghi ngờ của ta, tâm nhìn ta sẽ lớn ra. Chuyển hóa giáo điều, tín ngưỡng sai lầm của ta thì tâm nhìn của ta sẽ lớn ra. Và chuyển hóa những nhận thức sai lầm đối với bản thân, đối với các cảm giác, các tri giác của ta, đối với các chủng tử tâm hành của ta, thì tâm nhìn của ta sẽ lớn ra, nên ta có khả năng tiên liệu rằng, ta chỉ còn bảy đời nữa là chấm dứt sinh tử.

Nên, bảy đời cha mẹ là dựa vào cái nhìn của các vị thánh giả chứng được quả Dự lưu, do chế ngự được tham, sân, chuyển hóa được giới cấm thủ, nghi và tà kiến vậy.

Ai chứng được quả vị này? Tất cả chúng ta có niềm tin đối với đức Phật và tu tập theo pháp Ngài dạy, thì tất cả chúng ta đều có thể chứng được, chứ không phải chỉ hàng xuất gia mới chứng quả Dự lưu. Hễ tin Phật với đức tin thuần tịnh, trong sáng và tha thiết đoạn trừ các phiền não, thì mình có thể chứng được quả Dự lưu.

Bởi vì một người tin Phật quá tha thiết thì vị đó không có tham, không có sân. Đệ tử Phật mà tham thì chướng quá. Đệ tử Phật mà sân thì chướng quá. Tin Phật như vậy thì lòng tham tự giảm dần, lòng sân tự giảm dần, và an lạc sẽ phát sinh trong ta. Ta nói rằng, "trong đời tôi, tôi không đi con đường nào khác hơn là con đường Tam bảo". Chính niềm tin vững chãi như vậy, xóa đi những nghi ngờ của mình đối với Tam bảo. Và mình không đi theo, không tuân thủ những đạo đức, văn hóa, tín ngưỡng, tập tục sai lầm nữa, mà chỉ đi theo Tam bảo thôi. Mình không còn rơi vào cái hiểu biết chết là hết mà cũng không rơi vào cái hiểu linh hồn là bất diệt, mà mình biết rằng, chết không phải là hết, chết cũng không phải là thường còn, mà chết rồi sẽ theo nghiệp tái sinh trong lục đạo chúng sinh. Nghiệp thức có thể rơi vào địa ngục, có thể rơi vào nga quý, có thể làm súc sanh, có thể rơi vào A Tu la, có thể làm người, có thể làm trời và nếu mình tu tập,

mình có thể thoát ra khỏi sinh tử luân hồi và đạt tới cảnh giới bất sinh bất diệt như chư Phật. Do niềm tin như vậy, do hiểu biết như vậy mà mình thực tập, chế ngự được tham, sân, si, chế ngự được nghi ngờ của mình và dự vào được dòng dõi bậc thánh, nên gọi là Dự lưu.

Và khi mình dự được vào dòng dõi đó, mình biết rằng, mình chỉ còn tái sinh trong bảy đời nữa thôi. Tái sinh trong cõi người thì phải có cha, có mẹ, phải không? Khi đã có tầm nhìn như thế rồi, mình chọn cha mẹ để tái sinh. Cho nên, trước đó tôi có nói, giả như tôi phải tái sinh, thì tôi tái sinh ở đâu? Ở Việt Nam, nơi vùng nhà quê, ở nhà bà mẹ quê. Mình có quyền lựa chọn. Mình có đủ tuệ giác để chọn bà mẹ quê của mình thật thà, hiền lành, chân chất. Mình gá vào đó để có bà mẹ quê như vậy, rồi mình tiếp tục tu tập. Và mình có ông cha rất dễ thương, có đạo tâm. Ông cha đập xích lô hiền lành, chất phát, chở hàng không mất, được

mọi khách hàng tin tưởng. Có người cha sống và làm việc được mọi người tin tưởng như vậy có sướng không? Nếu mình có ông cha làm quan mà tham nhũng, hối lộ của người ta, thì mình sướng chi, đâu có vinh dự bằng ông cha đạp xích lô sống hiền lành, chơn chất, được mọi người tin tưởng. Nên, thà làm con của bà mẹ quê hiền lành, của một vị đạp xích lô, xe thô chất phát, đạo đức, còn hơn làm con của người làm quan tham nhũng. Mình chọn những vị đạo đức đó làm cha mẹ mình để tiếp tục tu tập, nhằm bảy đời nữa, chấm dứt sinh tử luân hồi. Nên, cha mẹ bảy đời là từ cái thấy, cái biết của vị thánh giả Dự lưu vậy.

Nếu mình đầu thai ở hoàng cung, làm con của vị vua và hoàng hậu, ăn ở hiền lành, đức độ, thì chuyện quá hiếm hoi. Nhưng, những chỗ như vậy nhiều người có phước đức đã sinh rồi, mình phước đức ít khó mà sinh vào được những trú xứ như vậy.

Khi có tuệ giác của vị thánh giả Dự lưu,

mình có quyền chọn cha mẹ để tái sanh. Còn mình chưa có được tuệ giác của vị thánh quả Dự lưu, thì mình tái sinh theo nghiệp, nên may nhờ rủi chịu, mình không có khả năng chọn lựa được nơi để tái sinh. Đôi khi nghiệp mình nặng chủng súc sanh, liền chun vào bụng của mẹ chó, mẹ mèo, đôi khi nghiệp mình nặng quá, chun vào chỗ mẹ heo - một bầy lúc nhúc năm bảy con.

Có người hỏi tôi cha mẹ chết rồi thì mình phải thể hiện hiếu kính như thế nào? Mình có thể lạy Phật, tụng kinh cầu nguyện cho cha mẹ đã qua đời, mình có thể tác bạch rằng:

"Kính bạch Tam Bảo, kính bạch mười phương chư Phật, chư đại Bồ tát chứng minh cho con!

Bởi vì trước đây con không biết nhân quả, con không biết nghiệp báo luân hồi, con không biết tin Phật Pháp Tăng, nên con không hiểu, khiến ngày trước, con có nhiều hành vi và cử chỉ sai lầm không làm cho cha mẹ con vui, giờ phút này con

xin sám hối tất cả những lỗi lầm mà con đã tạo ra. Xin cha mẹ đã qua đời hoan hỷ tha thứ cho con!”

Sau đó, mình pha nước trà mời ba mẹ uống, mình dọn cơm mời ba mẹ ăn. Trong bữa cơm nào, mình cũng dọn thêm hai chén, mình nghĩ cha mẹ đang ngồi ăn với mình, mình chắp tay lại mời cha mẹ dùng cơm. Người khác nhìn vào tưởng mình điên, nhưng đó là cách để mình tiếp xúc với cha mẹ đã qua đời vậy.

Tiếp xúc với pháp giới đa sanh phụ mẫu

Trong kinh Báo Ân có ghi lại: Đức Phật đi về phía Nam của tịnh xá Kỳ Hoàn và Ngài thấy một đồng xương khô, Ngài cúi xuống sát đất đánh lễ đồng xương khô ấy. Ngài A Nan thắc mắc, Đức Phật là bậc trí tuệ như vậy, là cha từ bi của muôn loài mà sao lại đánh lễ đồng xương khô ấy một cách cung kính như vậy. Đức Phật đã trả lời cho Ngài A Nan rằng: "Tôn giả, tuy là đệ tử thượng túc của Như Lai, nhưng trí tuệ còn khiêm khuyết.

Đống xương khô ấy có thể là tổ tiên nhiều kiếp, cha mẹ nhiều đời của ta, nên ta đã chí thành kính lễ".

Như vậy, đại chúng thấy, chúng ta đã bỏ thân và có được thân này là đã trải qua vô lượng kiếp. Chúng ta trải qua vô lượng kiếp bỏ thân và thọ thân này là chúng ta trải qua vô lượng kiếp đã từng làm tổ tiên ông bà của nhau, chúng ta đã từng làm cha mẹ, đã từng làm con cái với nhau, không biết đâu là ngần mé hết. Chúng ta chỉ nhìn cha mẹ mình trong hiện tại là ta mới nhìn bằng con mắt cận thị thôi. Chúng ta nói cha mẹ bảy đời là chúng ta mới nhìn bằng con mắt viễn thị thôi. Bây giờ đây nói pháp giới đa sanh phụ mẫu là ta nói đến cha mẹ của chúng ta với vô số đời kiếp. Và trong thân thể của chúng ta có rất nhiều chất liệu của pháp giới chúng sanh tạo thành.

Cái nhìn pháp giới đa sanh phụ mẫu là cái nhìn tương tức tương nhập của bậc toàn giác. Cái nhìn như vậy là cái nhìn của con mắt toàn hảo, mắt

chánh biến tri, chỉ có Phật mới có cái thấy ấy.

Trong đồng xương mà Đức Phật lễ lạy đó, cũng đã có xương của mình, có xương của anh em, bà con của mình. Trong đồng xương đó đã có ông bà tổ tiên nội ngoại, cha mẹ nhiều đời của mình. Nhưng, vì nhục nhãn hay mắt thịt của mình không thấy, nên Đức Phật lạy xuống là cái cơ để nói về cha mẹ nhiều đời của tất cả chúng ta và nhân đó, Đức Phật dạy về hiếu nghĩa, về lòng biết ơn và báo ơn cho chúng ta đối với cha mẹ.

Chúng ta ngồi đây, đâu phải chỉ mới một lần mà là rất nhiều lần. "Ngã kim nhật tại tọa chi địa, cổ chi nhân tăng tiên nga tọa chi"- Nghĩa là "chỗ đất mà ta đang ngồi đây, nhiều đời về trước đã có người ngồi rồi". Nếu mình không từng ngồi đây thì không bao giờ mình đang ngồi. Và nếu mình không từng ngồi, không đang ngồi thì không bao giờ mình sẽ ngồi. Nhưng, mình đang ngồi, nghĩa là mình đã từng ngồi và sẽ ngồi trong tương lai dưới nhiều

hình thức khác nhau.

Chỉ nghĩ đến ơn một bà mẹ thôi, mà biết bao nhiêu lời ca, tiếng nhạc, bao nhiêu văn chương để diễn tả, huống chi mình biết ơn nhiều bà mẹ thì hạnh phúc của mình sẽ lớn lao như thế nào, cái giàu có về đạo lý, về văn, thơ, về thi ca, về nghệ thuật sẽ rộng lớn như thế nào! Mình mới có một ông cha thôi, mà mình có hạnh phúc rất nhiều, huống chi mình có vô số ông cha thì hạnh phúc biết mấy! Và mình mới có tổ tiên ông bà nội ngoại trong hiện tại là thấy hạnh phúc quá nhiều rồi, huống gì mình có vô số tổ tiên, ông bà nội ngoại thì hạnh phúc biết mấy!

Cho nên, khi một người có tầm nhìn lớn, có một sự hiểu biết lớn, có một tâm hồn lớn, người đó lúc nào và ở đâu cũng có hạnh phúc. Bởi vì cái biết của họ quá lớn, quá mênh mông, họ nhìn đâu cũng thấy cha của họ, thấy mẹ của họ, nhìn đâu họ cũng thấy thân thể của họ.

Do đó, trước khi nhập niết bàn, Đức Phật đi từ chỗ này qua chỗ khác, cuối cùng, Ngài tới khu rừng Ta La Song Thọ và quyết định nhập niết bàn ở đó. Ngài A Nan thắc mắc : " Bạch Thế Tôn, nơi đây khu rừng nhỏ, thành phố nhỏ, sao Thế Tôn không nhập niết bàn ở nơi thành phố lớn để dân chúng có thể đến chiêm ngưỡng Thế Tôn". Đức Phật nói: "Ta đã từng xả thân nơi đây rất nhiều lần. Nhiều đời ta làm Chuyển luân thánh vương và xả thân tại đây. Nên bây giờ Như Lai cũng muốn xả thân tại đây".

Chúng ta cũng vậy, nhiều lần đã thọ thân và xả thân, nên thân thể của mình nhiều như cát bụi, vì vậy mình chạm vào đâu cũng chạm tới thân thể của mình hết, chứ đừng có nghĩ ở Huế, Sài gòn hay Hà nội mới là thân thể của mình.

Bây giờ mình học pháp giới đa sanh phụ mẫu rồi, thì ở đâu mình chạm tới là chạm tới thân thể của mình; ở đâu mình chạm tới là chạm tới thân

thể của tổ tiên, ông bà cha mẹ mình và ở đâu mình chạm tới là chạm tới quê hương đất nước của mình. Cho nên, với cái nhìn pháp giới đa sanh phụ mẫu, thì tình cảm của mình trở thành không biên giới, trở thành vô hạn.

Trước đó, tôi nói: giả như tôi sinh ra ở Việt Nam, chọn bà mẹ quê là nói theo cách nói của cái thấy, cái biết còn hạn chế, phải không? Còn khi tiến tới tuệ giác rộng lớn, tuệ giác đích thực rồi, thì thấy rằng không đâu là không phải quê hương của mình và thấy cái gì cũng đều là thân thể mình, nghĩa là mình nhìn tất cả mọi vật, đều thấy có thân thể của mình ở trong đó; mình nhìn tất cả mọi vật đều là anh em, bà con, người thân của mình; mình nhìn cái gì cũng thấy có thể giúp mình sinh ra, nên cái gì cũng có thể là cha mẹ của mình, là ân nhân của mình; cái gì cũng để cho mình tôn kính, quý trọng, biết ơn cả, nên cái gì cũng là tổ tiên, cha mẹ, anh em, bà con của mình. Do đó, chạm vào đâu ta

cũng đều thấy thân thể mình; chạm vào đâu ta cũng thấy ông bà tổ tiên mình, chạm vào đâu ta cũng đều thấy giang sơn tổ quốc của mình, chứ không phải chỉ có một giang sơn của mình là mấy chục triệu dân, là mấy ngàn cây số, rồi phân biệt quốc gia này quốc gia khác, để rồi đâm đá nhau, giành giật nhau, đổ xương đổ máu, gây khổ và thù hận cho nhau.

Cho nên, với cái nhìn của pháp giới thân, cái nhìn của pháp giới đa sanh phụ mẫu thì ta không còn gì mà buồn tủi, mà than thở, mà "chiều chiều ra đứng ngõ sau, ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều". Cái đó cũng cần, mà cần cho một tầm nhìn hạn chế nào đó.

Như vậy, với cách nhìn pháp giới đa sanh phụ mẫu, khiến đời sống của ta trở nên giàu có. Ta giàu có thân thể, giàu có tâm hồn, giàu có tình cảm, giàu có hiểu biết, giàu có anh em, giàu có bạn bè, giàu có cha mẹ, giàu có tổ tiên ông bà, giàu có giang sơn tổ quốc, giàu có cả cõi Phật nữa.

Cho nên, mình không phải chỉ có “một cõi đi

về” như Trịnh Công Sơn nói. Mình có rất nhiều cõi để đi về. Vì không được học Phật sâu sắc và chín chắn, nên Trịnh Công Sơn chỉ rung động khá hơn người bình thường xí thôi. Do đó, lời nhạc “Một cõi đi về” của Trịnh Công Sơn là hay, nhưng chưa phải là hay lắm đâu! Chúng ta có rất nhiều cõi đi về, chứ không phải một cõi. Vì nghĩ và chỉ biết có một cõi, nên đời sống con người rất dễ sinh hối lộ và tham nhũng và người có quyền lực rất dễ độc tài. Mình có vô số cõi để đi về, nên không có ai có quyền lực thực sự để độc tài, và cũng không có gì chen lấn để cần phải đút lót!

Nên, cái nhìn pháp giới đa sanh phụ mẫu là cái nhìn giúp cho ta xóa đi những cái hiểu biết thiên cận và cục bộ, dẫn đời sống con người đi tới đời sống hòa bình và an lạc.

Ý nghĩa Vu lan

Vu lan tiếng Phạn là Ullambana, nghĩa là giải đảo huyền: mở sợi dây treo ngược. Cái gì treo

ngược mình để cho mình bị khổ đau? Trước hết là do cái nhìn thiên cận của mình. Cái đó treo ngược mình, không chế mình, hạn chế mình đối với hạnh phúc, đối với hiểu biết toàn diện. Vì do nhận thức của mình sai lầm đã tạo ra tội lỗi từ lời nói đến việc làm và tâm hồn. Cho nên, phải mở sợi dây treo ngược nhận thức của mình để mình có chánh kiến. Khi có chánh kiến rồi, thì mình biết đâu là cha mình, đâu là mẹ mình, đâu là cha mẹ hiện tại, đâu là cha mẹ liên hệ hai phía, đâu là cha mẹ bảy đời, đâu là cha mẹ nhiều đời; mình có khả năng tháo gỡ, giúp cha mẹ ra khỏi sự trói buộc để được hạnh phúc an lạc. Đó là ý nghĩa Vu lan, ý nghĩa của giải đảo huyền.

Ta có cái thấy pháp giới đa sanh phụ mẫu, ta không còn làm nhạc và hát với lời: "đời mất vui khi mẹ chẳng còn".

Thấy pháp giới đa sanh phụ mẫu là thấy pháp giới duyên khởi. Duyên khởi là không một ai,

không một cái gì tự sinh hay tự hiện hữu mà sinh khởi là do có nhiều yếu tố tác động lên nhau và quan hệ với nhau. Nên, trong “một” có tất cả và trong tất cả đều có một. Một khởi, thì tất cả liên hệ đều khởi, nên gọi là pháp giới duyên khởi. Pháp giới đa sanh phụ mẫu là một cách nói khác của pháp giới duyên khởi vậy.

Mình nhìn mây, nhìn nước, nhìn núi, nhìn sông, nhìn ánh nắng...tất cả đều là duyên yểm trợ cho cái biết của mình sinh khởi và nếu nói theo duyên sinh, cái đó là cha là mẹ của mình. Cho nên ánh nắng là cha, là mẹ mình vì không có ánh nắng thì không có một cái gì được sinh ra hết. Do đó, mình phải biến niềm đau mất mẹ, mất cha thành một niềm hạnh phúc khác mới hơn, sâu hơn, phổ cập hơn từ nơi cái thấy, cái biết về pháp giới đa sanh phụ mẫu của mình.

Vu Lan cách đây gần 20 năm, tôi nói pháp thoại cho GDPT của Khuôn hội Kim An. Lúc đó,

các em oanh vũ cài hoa lên áo tôi, nhưng các em không biết tôi còn hay mắt mẹ, nên đưa cả hoa hồng và hoa trắng, hỏi tôi "Thầy cài hoa nào". Tôi trả lời "Hoa nào cũng được". Em đó lúng túng. Tôi thấy tội, nên nói "con cài hoa trắng cho Thầy". Từ đó, tôi làm bài "Tình hoa trắng":

*"Áo tôi vàng em cài tình hoa trắng
 Tình tình nguyên tình của mẹ ngày xưa
 Tôi không khóc khi áo cài hoa trắng
 Vì trong hoa tôi thấy mẹ tôi cười,..."*

Mình thấy mẹ mình bỏ một hình hài nhỏ, thể nhập vào hình hài lớn của toàn thể vũ trụ. Lúc đó, nhìn hoa gì mình cũng có thể thấy mẹ ở trong đó cả. Nên niềm cô đơn của mình, nỗi mất mẹ của mình, không có khả năng làm cho mình bị tê liệt.

Văn hóa lành mạnh, đẩy ta đi lên để có một tâm hồn rộng lớn, với tầm nhìn rộng lớn thì ta mới sống có hạnh phúc. Còn văn hóa gợi nhớ, gợi thương trên hạn hữu, làm cho người ta quay cuồng

điên đảo ở trong cái nhìn, cái biết, cái cảm nhận giới hạn ấy, thì không hay ho gì, mà còn là tàn bạo và độc hại.

Nếu là nhà tâm linh hay nhà làm văn hóa, thì phải có một tầm nhìn lớn, để giúp cho người ta đi tới một tầm nhìn lớn, một niềm vui lớn. Trong tầm nhìn lớn ấy, trong niềm hạnh phúc lớn ấy, ta thấy con người mình có mặt ở trong cả pháp giới và cha mẹ của ta cũng ở trong đó. Chỉ cần ngồi yên lắng, để cho tâm ta yên tịnh, ta sẽ thấy được cái vô hạn ngay nơi cái hữu hạn; cái siêu việt ngay nơi cái hiện tiền và cái cực lớn có ngay nơi một hạt bụi.

Cho nên, Vu lan về, mình phải giải tỏa được những nỗi đau trong lòng mình. Và chỉ giải tỏa được, khi mình có tuệ giác và cái nhìn lớn.

Vu lan duyên khởi là do Ngài Mục Kiền Liên tu tập đạt tới thần thông, nhớ đến mẹ, Ngài vận dụng đạo nhãn nhìn khắp lục đạo chúng sinh, thấy mẹ mình đang còn ở trong loài ngựa quý, đói khát. Khi

Ngài vận dụng thần thông bung cơm cho mẹ, mẹ Ngài tay trái che cơm lại, vì sợ loài naga quỷ giành cơm, tay phải bốc cơm ăn. Nhưng vì tâm bồn sển bần tiện khởi lên, nên khi đưa cơm vào miệng, cơm hóa than. Ngài Mục Kiền Liên xót xa và đau khổ, về thưa với Đức Phật. Đức Phật dạy phương pháp "ngày rằm tháng Bảy, ngày tăng tứ tứ, ngày Phật hoan hỷ. Thầy nên thiết lập tứ sự cúng dường, cung thỉnh chư Tăng cầu nguyện cho mẹ, may ra nhờ năng lực thanh tịnh đó mà mẹ Thầy được giải thoát".

Ngài Mục Kiền Liên đã thực hành và làm đúng như lời Phật dạy, nên sau đó mẹ của Ngài được sanh thiên và những người trong loài naga quỷ cũng được nhờ ân sủng đó mà tạm thời chấm dứt khổ đau.

Truyền thống này đã được vua Bình Sa Vương và Mạt Lợi phu nhân thực hiện, được trường giả Cấp Cô Độc thực hiện tại Ấn Độ, vào thời Phật và đã được ghi lại trong kinh Báo Ân và kinh Vu Lan, sau

đó truyền đến Trung Hoa. Thời vua Lương Võ Đế của Trung hoa thế kỷ VI, đã có truyền thống Vu lan này rồi. Truyền thống này được thịnh hành nhất là vào thời Đường và được Võ hậu Tắc Thiên thực hiện hết lòng. Ở Việt Nam muộn lắm là vào thời đại Lý - Trần, truyền thống Vu lan, truyền thống báo hiếu, tự tử đã được thể hiện. Như vậy là Vu Lan đã có trên các nước Á Châu, các nước theo kinh điển thuộc văn hệ Hán tạng thực hành.

Tôi xin nhắc lại, báo ân báo hiếu là hạnh của Phật, nên Phật là một vị đại hiếu. "Con chim oanh vũ" là một trong những câu chuyện tiền thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nói về hạnh hiếu của Ngài khi còn là chim oanh vũ. Và không có Bồ tát nào là không thực hành hạnh hiếu. Và cũng không có vị Thầy tu nào tu theo Phật giáo mà bất hiếu cả.

Cho nên, trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, chúng ta đọc, thấy rất rõ Ngài Liễu Quán khi xuất gia, cha mẹ già, Ngài xin thầy tổ về hầu cha mẹ,

chăm sóc cha mẹ. Khi cha mẹ qua đời, Ngài mới tiếp tục con đường xuất gia của mình. Ngài Nhất Định Tổ Từ Hiếu cũng vậy. Và vua Tự Đức cũng được xem là vị vua có hiếu nhất trong các vị vua triều Nguyễn. Có lần vua đi săn, gặp trời lụt, không về kịp đám giỗ. Nhà vua thấy mình có lỗi, nên khi Nguyễn Tri Phương đi đón về, nhà vua kiếm cây roi và nằm xuống để mẹ mình - là bà Từ Dũ đánh. Nhưng mẹ không nói chi cả, chỉ xây mặt vào tường thôi. Sau đó, thấy vua nằm, bà nói: "mình là vua, ở trên thiên hạ, đừng có ham chơi, để thời gian mà lo cho nước, cho dân".

Như vậy, ta thấy hiếu, ai cũng có thể thể hiện được, nên trong đời sống ai mà có hiếu là người ấy có một đời sống đẹp.

Ở trong đời, vô phước nhất là bất hiếu, có phước báo nhất là có hiếu. Cho nên, truyền thống Vu Lan là một truyền thống rất đẹp, trở thành một truyền thống đạo lý. Bây giờ người ta gọi là "lễ hội". Tôi

cho gọi "lễ hội" như thế là không đúng. Vu lan là một truyền thống tâm linh, tín ngưỡng cao đẹp, đã trở thành đạo lý rồi. Con người sống như vậy thì đạt tới như vậy, sống không phải như vậy thì mất như vậy. Cho nên, phải gọi là đạo lý, vì lễ Vu lan đã trở thành tín ngưỡng tâm linh cao quý tự nhiên của con người Á đông mà nhất là Việt nam vậy.

Bây giờ trong trái tim chúng ta đã có một mùa Vu lan mới, một ý nghĩa mới, một hiểu biết mới về Vu lan. Chúng ta phải biến tất cả năm tháng đều trở thành năm tháng của Vu lan, năm tháng của những người con hiếu hạnh thì chúng ta ở đâu, lúc nào cũng gặp được cha mẹ của chúng ta trong trái tim mình, không còn mặc cảm mất cha, mất mẹ, là kẻ cô đơn lạc lõng giữa cuộc đời này.

Nhuận Thuần Nguyễn kính ghi

Ý THỨC ĐỐI VỚI SỰ SỐNG

*(Pháp thoại Thầy Thích Thái Hòa giảng chúng chánh niệm
tại núi Ngọc Hồ Bắc sông Hương, bên bờ hồ Thiên Nhã
đêm rằm tháng giêng năm Canh Dần)*

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Thưa đại chúng! Đêm rằm tháng giêng của mỗi năm, người ta thường gọi là tết Nguyên Tiêu. "Nguyên" nghĩa là bắt đầu và "tiêu" nghĩa là ban đêm. Đêm rằm tháng đầu tiên trong năm gọi là tết Nguyên Tiêu hay tết Thượng Nguyên.

Tết Nguyên Tiêu còn gọi là tết Trạng Nguyên vì ngày xưa, vào đêm rằm tháng giêng, các vị vua chúa mời các vị đỗ Tiến sĩ vào cung để thiết đãi yến tiệc, trao đổi thi ca, văn học, sau đó đến vườn Thượng uyển để ngâm thơ, ngắm hoa, thưởng thức trăng rằm.

Rằm tháng giêng cũng còn được gọi là Hội

hoa đăng. Theo truyền thống Á Đông, ở các nước như Trung Quốc, Nhật Bản, Singapore, Triều Tiên, Việt Nam..., vào ngày này, người ta dùng cây sào để treo những ngọn đèn lồng đã được thắp sáng lên cao. Ánh sáng của những ngọn đèn này chiếu vào nhà, mong có nhiều tài lộc.

Thường, người ta dùng đèn sáp để thắp, và khi nhựa rơi xuống sẽ tạo thành các hình dáng khác nhau. Người ta dựa vào hình đó để dự đoán vận mệnh trong năm. Trên lồng đèn được vẽ hình 12 con vật, tượng trưng cho mười hai tuổi; cũng có khi thay bằng hình con rồng.

Ngày nay, một số nước đã biến Tết Nguyên Tiêu thành Tết của Tình Yêu, tết của Ngưu Lang Chức Nữ hiện đại, là thời điểm để trai gái tuổi trẻ có cơ hội hàn huyên tâm sự với nhau.

Văn hóa mỗi nơi, mỗi lúc, mỗi thời đại có những biến đổi. Nhưng dù biến đổi cỡ nào đi nữa, thì khi chơi xuân, thưởng thức xuân, chúng ta phải

có ý thức để tiếp xúc cho được sự sống nơi mỗi chúng ta.

Thưa đại chúng! Không có sự hiện hữu nào đơn thuần, cũng không có sự sống nào đơn thuần mà mọi sự sống và hiện hữu đều có liên quan tương tác với nhau. Nếu chúng ta không ý thức được sinh mệnh của chúng ta, thì chúng ta khó mà có hạnh phúc. Do đó, trước hết chúng ta phải ý thức cho rõ về sự sống của chúng ta, về sinh mệnh của chúng ta, về sự quan hệ của chúng ta đối với mọi người, mọi loài và muôn vật thì chúng ta mới có hạnh phúc được.

Vì vậy, thời pháp thoại hôm nay, tôi đã tạo cơ duyên cho quý vị ngồi bên bờ hồ Thiên Nhã, giữa núi rừng trùng điệp, giữa sự sống, sự chết, chúng ta có thể tiếp xúc được với sự sống mênh mông và sự chết vô cùng. Sự sống và sự chết chỉ là hai mặt của một bàn tay.

Khi nào chúng ta ý thức được sự sống, sự

chết là hai mặt của một bàn tay thì chúng ta mới sống có ý nghĩa và chết mới ra hồn. Nếu chúng ta không ý thức được sự sống và sự chết như vậy, thì chúng ta sống hời hợt, sống không ra sống, chết không ra chết.

Chúng ta hiểu rõ được sự sống của chúng ta gắn liền với quá khứ, gắn liền với hiện tại và gắn liền với tương lai, nên những gì chúng ta có ở đây là do tổ tiên chúng ta để lại cho chúng ta. Sự sống của chúng ta là kế thừa của tổ tiên chúng ta, kế thừa của cha mẹ chúng ta. Sự sống của chúng ta đang có cơm để ăn, có nước để uống, có áo quần để mặc, có nhà để ở, có không khí để thở và có chỗ để ngồi...gắn liền với sự tương quan của xã hội, của thiên nhiên. Vì vậy chúng ta phải sống thật đẹp trong giờ phút này để có thể xứng đáng là người kế thừa những gì tốt đẹp mà người xưa, mà tổ tiên chúng ta đã để lại; để chúng ta có khả năng trao truyền những tốt đẹp đó cho con cháu tương lai của

chúng ta. Không những chỉ trao truyền cơm ăn áo mặc, nhờ ở, tiện nghi vật chất, mà chúng ta phải trao truyền cả những hiểu biết, những đức hạnh cho con cháu chúng ta nữa. Không phải chúng ta chỉ để lại cho con cháu những ngôi nhà, tiền của mà chúng ta phải để lại cho con cháu chúng ta môi trường trong lành. Có nhiều người vụng về đến nỗi chỉ để lại nhà cửa mà quên để lại đường đi cho con cháu mình, để rồi ngôi nhà kia trở thành vô nghĩa, thành nhà hoang, không có công dụng. Cũng có những người trang hoàng trong ngôi nhà mình thật đẹp, thật lộng lẫy nhưng không có đường ra lối vào, hoặc đường ra lối vào bị ô nhiễm thì ngôi nhà lộng lẫy kia cũng chẳng có giá trị gì. Vì vậy, chúng ta để nhà cho con cháu là phải nhớ để luôn cả đường đi lối vào, phải để không khí trong lành, môi trường không ô nhiễm. Người như thế là người thông minh, người có ý thức rõ ràng, tiếp xúc được với sự sống.

Chúng ta để lại vàng bạc, nhà cửa tiện nghi, nhưng không khí không trong lành thì con cháu chúng ta dễ bị nhiễm độc, chết sớm, không ai thừa kế. Những người lãnh đạo đất nước cũng vậy, nếu không ý thức được điều này thì đúng là không kế thừa được những gì thiêng liêng của giang sơn gấm vóc để lại.

Quý vị hãy thở vào cho thật sâu, thở ra có chánh niệm tỉnh giác để thấy rõ điều này. Cuộc đời có ý nghĩa ngay trong từng hơi thở, nhưng ít ai để ý.

Cách đây 15 năm có những vị phi công ở các nước Âu Châu đến Huế, ghé tham quan chùa Từ Hiếu, sau đó xin gặp chúng tôi để trao đổi một vài kinh nghiệm về sự tu tập Phật pháp.

Tại thất Lăng Nghe Tổ đình Từ Hiếu, họ đã đặt ra nhiều vấn đề với chúng tôi. Sau khi lắng nghe họ nói, chúng tôi chỉ hỏi họ một câu: "quý vị nói với chúng tôi nhiều vấn đề bao la như vậy, từ chuyện vũ trụ, chuyện xã hội, nhưng quý vị đã biết

rõ hơi thở của quý vị chưa?" Quý vị làm chủ thế giới mà quý vị không làm chủ được hơi thở của mình thì thế giới của quý vị chỉ là ảo tưởng mà thôi. Cái biết của quý vị mênh mông nhưng không biết hơi thở của mình thì xem như quý vị không có cơ sở nào để bảo vệ môi trường, môi sinh. Quý vị phải biết rõ hơi thở của quý vị, may ra quý vị mới bảo vệ được môi trường môi sinh. Quý vị hãy cùng tôi đến nơi những nhà vệ sinh, những đồng rác thải để thấy rõ môi trường môi sinh cần thiết như thế nào. Nếu mình cứ sống trong phòng lạnh, nơi bàn giấy thì không thấy được thực tế. Nếu quý vị không ý thức được hơi thở của mình liên quan đến rất nhiều vấn đề chung quanh thì đừng nói chuyện cao xa. Muốn làm chủ được thế giới, trước hết quý vị phải làm chủ được hơi thở của mình. Bởi vì hơi thở của mình gắn liền với hơi thở của thế giới, gắn liền với hơi thở của cha mẹ, của tổ tiên mình, gắn liền với hơi thở của mọi người, mọi loài, mặt trời, mặt

trăng, dòng sông, núi rừng, biển cả.

Vì vậy chúng tôi nói rằng, quý vị hãy thực tập để tiếp xúc với hơi thở của mình trong mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút và mỗi giây. Mỗi ngày chúng ta ngồi yên khoảng 5-10 phút, tập trung theo dõi hơi thở thôi, quý vị sẽ thấy được sự sống một cách mâu nhiệm. Đừng để đến khi bị tai biến rồi mới thấy rằng đưa tay lên như thế này là một phép lạ. Khi bị tai biến rồi, mơ ước đưa cánh tay lên mà không được, ưa bước đi mà cũng không được.

Do đó, phép lạ mình đang có, tại sao mình không biết thưởng thức, hưởng thụ. Mình đang sống với thực tại mâu nhiệm như thế này, mình đang nói được sao không nói những điều tốt đẹp cho nhau nghe mà nói lời hóc búa, hóc hiểm làm gì; sao không nói với nhau những lời dễ thương mà nói chằm nói biếm làm gì! Hư cái miệng!

Miệng mình cũng là một phép lạ mà tổ tiên, cha mẹ đã giúp mình có được, trời đất, cỏ cây, hoa

lá đã giúp mình có được. Tại sao mình không dùng cái miệng này để nói lời tốt đẹp, để tạo ra hạnh phúc cho nhau.

Có những người khổ đau vì một lời nói, mất ăn mất ngủ vì lời nói cho nên lời nói của chúng ta cũng là một phép lạ. Sao ta không dùng phép lạ ấy để tạo nên hạnh phúc cho gia đình, tạo ra nhân cách cao đẹp cho bản thân và tạo ra sự an ổn cho xã hội, mà lại toàn nói những lời dối trá để gạt nhau, nói những lời tiêu cực, xuyên tạc, sai sự thật. Mình thương ai thì đưa họ lên bầu trời xanh mà không có cơ sở nào hết, ghét ai thì đạp họ xuống dưới bùn chỉ vì ác ý mà thôi. Như vậy là phạm cái miệng của mình. Quý vị có thấy mình nói được là một phép lạ không? Mình bị tai biến, bị câm thì làm sao mà nói.

Cho nên tôi nói tất cả đại chúng hãy thực tập hết lòng để mỗi giây phút mình đều có hạnh phúc. Hạnh phúc là chuyện có thật, không phải hứa hẹn

suông. Nhưng sự thật đó chỉ có được bằng cách mình phải ý thức được sự sống là liên hệ đến mọi người mọi loài, sự sống của mình liên hệ đến cha mẹ, tổ tiên, ông bà mình. Nên, nếu mình bất hiếu với cha mẹ là mình cướp đi sự sống, giết chết sự sống. Sống mà vô ơn bội nghĩa với ông bà cha mẹ, với thầy tổ là mình đã chà đạp lên sự sống của chính mình, phản bội nhân cách của chính mình. Nhân cách của chính mình mà mình lại phản bội, thì ai trong đời này trọng mình nữa phải không quý vị!

Trong đời sống, chúng ta, mỗi người chỉ cần đóng góp cho xã hội một chút chân thật nho nhỏ, thì xã hội với 80 triệu người sẽ tạo ra một khối lượng chân thật; sáu tỷ người trên thế giới nghĩ đến những điều chân thật và nói những điều chân thật đó, thì thế giới trở nên an lạc.

Trái lại, 80 triệu người, mỗi người chỉ nói dối một chút, thì sẽ tạo nên một khối dối láo bao trùm lên xã hội, bao trùm lên thế gian này. Bởi vì

mỗi người nói láo và nghe láo, hiểu láo, cứ thế mà hiện hành, cả xã hội đều láo hết. Khi cả xã hội đều nghe láo, nói láo, hiểu láo thì sự thật nằm ở đâu? Nên, chúng ta sống mà bị dối láo, phỉnh gạt. Sống như vậy làm sao có hạnh phúc.

Sáu tỷ người trên thế giới, mỗi người nói láo một chút, mỗi người nghe láo một chút thì một khối dối láo sẽ phủ kín cả thế giới con người, diu dắt con người đi vào tà kiến. Như vậy sao có hạnh phúc được.

Cho nên, đại chúng phải thấy, mỗi một người trong xã hội chỉ cần đóng góp một chút chất liệu chân thật nho nhỏ thôi thì xã hội tự nó sẽ trở nên đẹp và đời sống con người từ đó có ý nghĩa và hạnh phúc; mỗi người chỉ cần đóng góp một chút tư duy đúng đắn cho xã hội thì chúng ta có cả một xã hội tư duy đúng đắn. Nhưng chúng ta, mỗi người đóng góp một chút tà tư duy vào xã hội thì ta có một khối tà tư duy phủ kín lên đời sống của chúng ta trong hiện tại và con cháu chúng ta trong tương lai.

Như thế là chúng ta đã phản bội tổ tiên mình, đang phản bội sự sống của chính mình.

Cho nên đại chúng phải thấy thực tập như thế nào để có được lời nói chân thật; thực tập như thế nào để có cái nhìn chân thật; thực tập như thế nào để có cái nghe chân thật; thực tập như thế nào để có ý thức chân thật và tiếp xúc với cái chân thật đó trong đời sống của chúng ta mỗi ngày.

Thế gian này chỉ có một sự thật thôi, đó là sự thật của sống và chết.

Có ai ở trong thế gian này không sống? Có ai ở trong thế gian này không chết? Và mình sống như thế nào? Mình chết như thế nào? Đó là vấn đề con người cần đặt ra, cần có hướng giải quyết, để mình sống có an lạc và chết có hạnh phúc.

Chúng ta đừng ham sống. Sống mà hèn mọn thì ham sống làm gì.

Chúng ta đừng sợ chết. Chết mà vinh dự thì mắc chi phải sợ.

Nên, sống như thế nào và chết như thế nào để có ý nghĩa, có hạnh phúc, đó là điều quan trọng.

Vì vậy, sau khi nghe thời Pháp thoại này rồi, mình không ngại chi vấn đề sống hay chết nữa, mà quan trọng là mình phải làm sao để có ý thức được về sự sống và sự chết, để mình có thể sống đẹp và chết đẹp.

Vậy, mấy mẹ có sợ chết nữa không? Giới trẻ có ham sống nữa không? Giới trẻ vì ham sống, đua chen với sự sống nên vào nghĩa địa sớm hơn, tới bệnh viện sớm hơn. Tôi đã nói cách đây 15 năm rằng, trong tương lai, bệnh viện sẽ nhiều hơn, nghĩa địa sẽ nhiều hơn, vì con người không ý thức được mình đang sống nên đẩy mình đi tới chỗ chết sớm hơn, bệnh hoạn sớm hơn. Nếu mình ăn uống bừa bãi, sống bừa bãi, tai họa sẽ đến với mình bất cứ lúc nào và ở đâu. Tôi đã từng nói với các thầy trẻ, với các chú "nếu các con sống, ăn, uống không có chừng mực, tu tập không có phương pháp, mấy đứa con coi chừng sẽ chết trước Thầy chứ không phải là kế thừa Thầy đâu".

Như vậy, quý vị thấy rằng sự sống là mênh
mông và sự chết cũng mênh mông như sự sống vậy.

Sống và chết cũng như hai mặt của một bàn
tay. Bàn tay úp hay bàn tay ngửa cũng là bàn tay của
mình. Không ai thế bàn tay khác cho mình được.
Nên mỗi người phải trở về với cái tâm của mình,
sửa soạn cái tâm mình cho thanh cao và giá trị.

Quý vị đừng nghĩ rằng, ở lâu đài là hạnh
phúc. Với nhiều người, lâu đài là nhà tù. Đôi khi ở
chòi tranh mà hạnh phúc. Đừng nghĩ ăn cao lương
mỹ vị mà hạnh phúc. Đôi khi gắp chút rau, chাম
chút tương mà hạnh phúc. Với bằng chứng là bản
thân tôi. Suốt thời gian nhập thất, mỗi ngày tôi ăn
một bữa, 2 chén cơm, uống nước trong, mà tăng
cân. Nhưng từ mồng hai Tết đến giờ, ra thất mới 2
tuần, ngày ba bữa ăn, lại sút 3 cân. Chứng tỏ rằng
sống trong thế giới này tiêu hao năng lượng rất lớn.
Mà sự tiêu hao năng lượng ấy thường không đưa
mình đi tới đâu cả. Trong khi tôi là người biết giữ

gìn, tránh tiêu dùng phí phạm năng lượng, mà còn như vậy. Còn quý vị, nhất là những người không biết tôn trọng sự sống của mình trong từng giây từng phút thì làm thế nào có hạnh phúc được.

Sau thời pháp thoại này, xin quý vị hãy nỗ lực thực tập, trân trọng cuộc sống của mình, nâng niu nó như của báu do phước báo đem lại. Tất cả mọi người, mọi loài, trời đất, không gian, không khí, mặt trời, mặt trăng, dòng sông và biển cả, đang hỗ trợ cho mình, cỏ cây hoa lá đang hỗ trợ cho mình. Ngồi nơi đây mà vẫn có hoa đẹp như thường.

Nếu mình sống mà có nhân cách thì đẹp hơn cả hoa. Tại sao mình không trang điểm đời sống của mình bằng nhân cách trác tuyệt của chính mình. Con người là hoa của trời đất. Nhân cách là cái rất cần thiết. Nếu mình có nhân cách thì nói dở cũng thành hay. Nhưng khi đánh mất nhân cách rồi, thì có cố gắng nói cho hay cũng thành dở. Vì vậy, đại chúng cố gắng giữ gìn viên minh châu mà trong

đời sống mình đã có được. Được như vậy là chúng ta đã trân trọng sự sống của chúng ta, tiếp xúc được với sự sống, biến sự sống đó có mặt với ý thức của chúng ta trong từng giây phút. Như vậy chúng ta sẽ có hạnh phúc, có an toàn, có bình an trong lúc sống và trong sự chết.

Từ chối chết là ngu muội và từ chối sống lại ngu muội hơn. Hai cái ngu cộng lại, ai cứu nổi mình!

Chấp nhận chết là một sự thật, đó là chấp nhận thông minh. Và chấp nhận sống là một sự thật là chấp nhận thông minh. Và thông minh hơn nữa là làm thế nào chúng ta sống có hạnh phúc, chết có hạnh phúc. Đó là cái thông minh mà chúng ta phải học tập.

Đó là bài pháp thoại chúng tôi chia sẻ với đại chúng ngày hôm nay.

Chúng con kính ghi lại từ bài giảng của Thầy tại núi Ngọc Hồ và qua băng ghi âm.

Nhuận Bảo Châu

**TIẾP XÚC
VỚI ĐỘNG PHONG NHA VÀ TIÊN SƠN
QUA CON MẮT THIỀN QUÁN**

Thực Tập Thiền Quán

Thở vào, tôi biết tôi đang thở vào.

Thở ra, tôi biết tôi đang thở ra.

Thở vào và thở ra tôi ý thức rất rõ tôi đang có mặt tại Động Tiên Sơn - Phong Nha tỉnh Quảng Bình.

Thở vào và thở ra tôi ý thức rất rõ tôi đang tiếp xúc với sự kỳ vĩ của giang sơn cầm tú.

Thở vào và thở ra tôi biết rất rõ tôi đang có mặt tại Tiên Động là sự có mặt của đất trời màu nhiệm đã trải qua hàng tỷ năm tạo nên sự kỳ vĩ này.

Thở vào và thở ra tôi ý thức rất rõ sự có mặt của Động Tiên Sơn và Phong Nha là do công lao của các bậc tiền nhân khám phá, giữ gìn, xây dựng mới có cảnh quan ngày hôm nay để chúng tôi đến tiếp xúc và hành hương.

Thở vào và thở ra tôi ý thức rất rõ sự có mặt của các vị Thiên thần, Địa thần, Sơn thần, Thủy thần, Long thần và các vị thần linh khác đã ngày đêm giữ gìn không gian, giữ gìn trái đất, giữ gìn dòng sông để cho tất cả chúng tôi hôm nay được có mặt, tiếp xúc, chiêm ngưỡng và học hỏi.

Ý Nghĩa Phong Nha

Thưa đại chúng! Hôm nay là ngày 29 tháng giêng năm Canh Dần, tức là ngày 14/03/2010. Lớp học Phật Chánh Niệm chùa Phước Duyên thành phố Huế đi hành hương tại Động Phong Nha và Tiên Sơn thuộc tỉnh Quảng Bình. Tại động Tiên Sơn, tôi xin chia sẻ bài pháp thoại "Tiếp xúc với động Phong Nha và Tiên Sơn với con mắt thiền quán".

Thưa đại chúng. Tại sao gọi là Phong Nha? Giải thích ý nghĩa Phong Nha, có 3 ý kiến khác nhau:

1. Theo sách Khoa Học Công Nghệ Môi Trường, tỉnh Quảng Bình xuất bản năm 2002, Phong có nghĩa là "gió", nha nghĩa là "răng", ta vào

trong động, nghe những tiếng gió và nhìn những nhũ thạch ở trong động như những chiếc răng, nên gọi là Phong Nha, nghĩa là răng và gió ở trong động.

2. Theo sách Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quý Đôn, Phong Nha là địa danh của một làng mạc. Tên động Phong Nha là theo tên địa danh của một địa phương mà đặt.

3. Trong sách "Đi tìm ý nghĩa Phong Nha" cho rằng, "phong" không phải là gió mà là núi; "nha" không phải là răng mà là quan lại. Đứng nhìn từ xa, những núi cao, thấp, có những tảng đá đứng như những quan lại đang hầu ở trong triều đình, nên gọi là Phong Nha.

Thời Gian Và Khám Phá

Động Phong Nha có từ khi nào và do ai khám phá? Không ai xác quyết một cách cụ thể. Tuy nhiên, các nhà địa chất học đã nghiên cứu đá vôi và caxter ở đây cho rằng, Phong Nha đã có từ cách đây 4 trăm triệu năm. Cũng có những vị cho

rằng, động Phong Nha có tuổi thọ hơn hai mươi ngàn triệu năm. Tất cả những giải thích như vậy cũng chỉ là giả thuyết mà thôi, không bao giờ và không thể có một kết luận chính xác.

Có những nhà nghiên cứu cho rằng, dựa vào các hiện vật, vào khoảng từ thế kỷ 9 đến 11, động Phong Nha là một thánh đường, một Phật đường của người Champa. Đó cũng chỉ là một ước đoán mà thôi.

Năm 1550, Dương Văn An đòi Lê đã đề cập đến động Phong Nha trong sách Châu ô cận lục của mình.

Năm 1824, vua Minh Mạng sắc phong cho động Phong Nha là "Diệu ứng chi thần", sau đó lại được các vua Nguyễn sắc phong là "Linh hiển chi thần".

Cuối thế kỷ 19, linh mục Cardière, người Pháp, đã thám hiểm động Phong Nha và có những giải thích rằng người đầu tiên khám phá động

Phong Nha là một người Champa, vì trong động có chữ viết của người Chăm.

Năm 1934, Baston, một nhà thám hiểm Hoàng gia Anh, đã phát hiện ra nhiều động khác thuộc động Phong Nha. Sau đó, động Phong Nha tiếp tục được các nhà địa chất học của Việt nam và Thế giới thám hiểm.

Năm 2003, Unesco công nhận Phong Nha là di sản Thế giới với tiêu chí địa chất và địa mạo.

Năm 2007 Phong Nha lại tiếp tục được Unesco công nhận là hang động có địa chất, địa mạo sinh thái tầm cỡ thế giới. Tại Phong Nha Kẻ Bàng có hơn 140 loài sinh vật và gần 900 loài thảo mộc.

Những Đặc Điểm

Động Phong Nha có những đặc điểm mà thế giới đang ca ngợi. Đó là:

1. Dòng sông rất sâu và dài: Có người cho rằng dòng sông ngầm ở đây có liên hệ tới sông Mê Kông. Có nhiều vị đi xa hơn, cho rằng dòng chảy

của sông trong động Phong Nha liên hệ đến sông Dương Tử ở Trung Quốc. Vì vậy, những gì mà các nhà nghiên cứu, thám hiểm đã khám phá ở động Phong Nha vẫn đang còn hạn chế. Và người ta vẫn đang còn tiếp tục nghiên cứu. Những gì chúng ta đang tiếp xúc ở đây quả thật là rất khiêm tốn so với những thứ mà thiên nhiên để lại cho chúng ta.

2. Miệng động rộng và cao so với các động khác trên thế giới.

3. Nhũ thạch của động rất đẹp và kỳ ảo.

4. Động Phong Nha có một bãi cát rộng và lớn.

Tuổi thọ của động Phong Nha rất lâu dài nên động có những đặc điểm như thế.

Tiếp Xúc Và Thiền Quán

Thưa đại chúng! Chúng ta tiếp xúc với Phong Nha, Tiên Sơn một cách thực tế mà không phải là người tham quan có tính cách hời hợt; chúng ta đến đây để tiếp xúc một cách sâu sắc, khiến ta có thể thấy được đời người, thấy được toàn

thể vũ trụ qua Phong Nha.

Các nhà nghiên cứu đã cho chúng ta thấy dòng chảy của động Phong Nha liên hệ chặt chẽ đến sông Mê Kông, có thể là cả sông Dương Tử ở Tàu. Điều đó cho chúng ta thấy rằng, trời đất có sự giao thoa liên hệ chặt chẽ với nhau. Động Phong Nha được tạo nên bởi những yếu tố không phải động Phong Nha mới gọi là động Phong Nha. Cho nên, chúng ta nghiên cứu động Phong Nha thì phải nghiên cứu những cái không phải là động Phong Nha, chúng ta mới hiểu được động Phong Nha một cách chính xác. Với bằng chứng là các nhà địa chất học đã phân tích các chất đá vôi, caxtơ, ở nơi động để đi đến kết luận về độ tuổi của Phong Nha. Nhưng như đã nói, đó cũng chỉ là một kết luận mà thôi, sự hình thành các hang động là một quá trình trải qua hàng chục triệu năm.

Khi nhìn động Phong Nha với dòng chảy như thế, chúng ta có thể nhìn vào tâm của mỗi

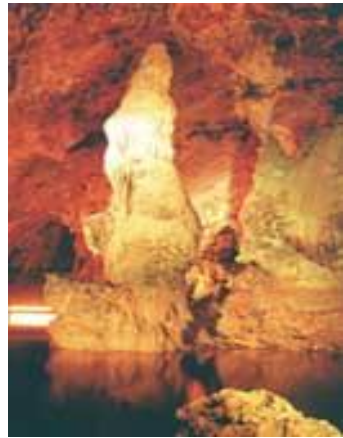
chúng ta, để thấy dòng chảy trong tâm thức của chúng ta cũng là một dòng chảy vô cùng, vô tận; dòng chảy của sắc uẩn trong thân chúng ta cũng là một dòng chảy vô cùng, vô tận, vô biên, được tác động bởi nhân và duyên, nên bất tuyệt đối với không gian và bất tuyệt đối với thời gian. Nên, nhìn dòng chảy ngầm trong động Phong Nha, chúng ta cũng có thể tiếp xúc được với dòng chảy trong tâm thức, nơi sắc uẩn, tướng uẩn, thọ uẩn, hành uẩn của mỗi chúng ta.

Thưa đại chúng, sự hình thành của một viên đá, của nhũ thạch không phải diễn ra trong một ngày, hai ngày, một trăm năm, hai trăm năm mà hàng tỉ năm. Cũng vậy, dòng chảy trong tâm thức của chúng ta đi từ cái này để hình thành nên cái kia. Để tạo nên tâm thức chúng ta, không phải là bốn trăm, năm trăm triệu năm hay tỉ năm mà là vô số kiếp, từ thế giới này hình thành, qua thế giới khác, lưu chuyển bất tận. Cho nên tiếp xúc với sắc

uẩn của động Phong Nha, chúng ta có thể tiếp xúc được sắc uẩn nơi mỗi tự thân chúng ta.

Chúng ta nhìn được những cảm thọ nơi bản thân mà động Phong Nha đã cho chúng ta. Chúng tôi đến đây lần này là lần thứ tư, nhưng mỗi lần có một cảm nhận khác nhau. Đúng như vua Trần Nhân Tông đã nói "nhất hồi niệm xuất nhất hồi tâm", tức mỗi lần đưa ra, mỗi lần tiếp xúc là một lần mới. Cách đây mười mấy năm nơi đây còn hoang sơ, chưa phải là một địa điểm du lịch. Nhưng hôm nay trở lại, chúng ta thấy khác trước rất nhiều. Bởi vậy, chúng ta đừng nghĩ rằng đã đi rồi thì không đi nữa, bởi vì mỗi lần đi lại là một lần mới.

Như vậy, chúng ta sẽ nhìn cảm thọ ở nơi thọ uẩn của mỗi chúng ta, để chúng



ta có thể thấy được mỗi lần tiếp xúc là mỗi lần có

một cảm nhận mới hơn, sâu sắc hơn, rộng rãi hơn, chu đáo hơn.

Đi vào trong động, chúng ta thấy những nữ thạch tạo thành tượng Quan Thế Âm Bồ Tát, tượng Hộ pháp, cung vàng, điện ngọc, tòa sen...Ta thấy được như vậy là chúng ta hữu tri, có tư tưởng, do tưởng uẩn nơi mỗi chúng ta vẽ vòi ra . Nếu vô tri, ta không thể thấy được gì.

Như thế, tiếp xúc với động Phong Nha, chúng ta có thể thấy tưởng uẩn nơi mỗi chúng ta cực kỳ phong phú và kỳ diệu.

Và sau khi tiếp xúc được với động Phong Nha như thế, chúng ta nhìn vào tưởng uẩn nơi mình, và có thể thấy rằng thế giới này được tạo nên từ nơi tưởng uẩn của mỗi chúng ta, từ nơi tưởng uẩn của mỗi chúng sinh. Chúng sinh từng vùng có tưởng thế nào thì thế giới của chúng sinh nơi đó sẽ xảy ra những hình tướng tương ứng với tưởng uẩn của họ.

Và không phải một sớm một chiều mà động Phong Nha hình thành được những nhũ thạch kỳ diệu, tuyệt vời. Nó phải trải qua một thời gian rất dài với những thay đổi để tạo nên được những dáng vẻ như thế. Nhưng quả thực, khi đi tham quan, hành hương, chúng ta đi rất nhanh, nên cảm nhận của chúng ta cũng bị hạn chế rất nhiều.

Khi nhìn những hình tượng như thế, chúng ta thấy rằng động Phong Nha cũng có hành uẩn. Và qua hành uẩn của động Phong Nha, chúng ta có thể thấy hành uẩn nơi tự thân của mỗi chúng ta. Nghĩa là nghiệp lực của chúng sinh nơi thế giới này như thế nào, sẽ tạo ra cảnh quan đúng như nghiệp lực của chúng sinh nơi thế giới ấy, để tạo nên những cảm thọ vui, buồn, khổ của chúng sanh nơi thế giới đó.

Qua động Phong Nha, chúng ta cũng có thể thấy được thức uẩn nơi mỗi chúng ta.

Nơi động Phong Nha, ta thấy rằng dù là một hạt bụi cũng không mất, mà biến thiên trở thành ra

những hạt cực vi, rời nguyên tử, rời hạt nguyên tử, và cộng thông với nhau, rất mâu nhiệm. Cũng vậy, trong tâm thức chúng ta, có những thứ chúng ta tiếp xúc một lần, hai lần, ba lần rồi mười, hai mươi năm sau, những sự tiếp xúc của chúng ta lúc trước vẫn không mất, khi có điều kiện vẫn biểu hiện lại. Vì vậy, khi nghe nói đến đi hành hương động Phong Nha, có nhiều vị ao ước muốn đi. Chính cái ao ước muốn đi đó nói lên rằng trong tâm thức của quý vị đã có hình ảnh, âm thanh, danh từ của động Phong Nha, khiến nhiều vị trước khi đi đã thao thức không ngủ được, và cũng khiến nhiều vị 80 tuổi vẫn đi đến đây được. Do đâu mà có vậy? Đó là do danh từ của Phong Nha, hình ảnh của Phong Nha, những quyến rũ của Phong Nha mà ta nghe được từ âm thanh, từ quảng cáo, từ sách vở đã cuốn hút chúng ta. Nghĩa là trong tâm thức chúng ta có Phong Nha hôm nay, là chúng ta đã có Phong Nha từ ngày xưa, xưa lắm rồi.

Như vậy, qua động Phong Nha, chúng ta có thể tiếp xúc được với tâm thức, với sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn của chính mình. Chúng ta đi hành hương như thế mới có ý nghĩa.

Vì thế, năm 1824, vua Minh Mạng đã sắc phong cho động Phong Nha là "Diệu ứng chi thần", nghĩa là vị thần linh ứng và mầu nhiệm của xứ sở. Trong phong trào Cần Vương, vua Hàm Nghi khi bôn tẩu đã ẩn nấp tại đây.

Do vậy, đến thăm động, chúng ta phải đi thật chậm, đi từng bước chân, để có thể tiếp xúc được với động Phong Nha, qua những gì Phong Nha đã cống hiến cho con người.

Có nhiều vị, vì sợ trở thành kẻ chiến bại trong cuộc sống, nên dù động Tiên Sơn này rất là cao, dù rằng mình đã gần 80 tuổi, vẫn cố gắng leo lên đến đây. Vì vậy, nhân danh trưởng đoàn, chúng tôi xin tán dương tinh thần dũng mãnh của quý vị".

Phước Ý kính ghi

**TỪ BI VÀ LÒNG BIẾT ON VÔ HẠN
ĐỆT THÀNH CHẤT LIỆU HẠNH PHÚC
TRONG ĐỜI SỐNG CHÚNG TA**

*Pháp thoại Thầy Thích Thái Hòa giảng tại hồ Thiên Nhã -
nghĩa trang Phía Bắc - Thành phố Huế vào ngày 28/04/2010
(15/03 Canh Dần)*

Thực Hành Thiên Quán

Thở vào, tôi biết tôi đang thở vào. Thở ra, tôi biết tôi đang thở ra.

Thở vào và thở ra, tôi biết rất rõ tôi đang ngồi trên gò của hồ Thiên Nhã tại nghĩa trang phía Bắc của Sông Hương.

Thở vào và thở ra, tôi thấy rất rõ hạnh phúc của chúng tôi bây giờ là từ bi và lòng biết ơn.

Thở vào và thở ra, xin đại chúng mỗi người hãy nghĩ đến những người thân yêu của mình đang còn tại thế và xin cầu nguyện Tam bảo, chư vị Bồ

tát, chư vị hộ pháp thiện thân, chư thiên khắp cả mười phương thế giới rải lòng từ gia hộ cho những người thân yêu của chúng ta sống ở đâu cũng có an lạc, sống ở đâu cũng có niềm tin thâm sâu đối với Tam bảo.

Thở vào và thở ra, xin đại chúng quán chiếu chúng sinh trong mười phương thế giới đều là thân bằng quyến thuộc của mỗi chúng ta, nhưng vì do mắt phàm phu, chúng ta bị thiên cận, không thấy hết.

Xin đại chúng rải lòng từ bi và trí tuệ đến những vị thân yêu của chúng ta đã qua đời, trong đó có tổ tiên nội ngoại, ông bà, cha mẹ, anh em, bạn bè đồng loại của chúng ta, hoặc vì bệnh duyên mà qua đời, hoặc vì bị tai nạn qua đời, hoặc vì chiến tranh mà qua đời, hoặc vì những oan nghiệp mà qua đời, hoặc vì hết duyên với sự sống mà xả bỏ báo thân. Xin tất cả những vị đó đều phát tâm quy y Phật, phát tâm quy y Pháp, phát tâm quy y Tăng, phát tâm sám hối những tội báo của mình

trong hiện tại cũng như nhiều đời trong quá khứ để cho tâm thức đều trở thành thanh tịnh; từ đó có cơ hội phát bồ đề tâm, thực hành bồ tát đạo, xa lìa được điều ác, thực hành được điều thiện và làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh, và dù đang ở cảnh giới nào cũng đều hướng tâm về tịnh độ - thế giới của Phật A Di Đà, để được trực tiếp nghe pháp thoại từ Đức Phật A Di Đà, được Ngài giáo hóa, dìu dắt, hướng tới đời sống vô thượng bồ đề.

Thở vào và thở ra, xin đại chúng khởi lòng biết ơn tổ tiên ông bà nội ngoại của chúng ta mà tu tập; xin đại chúng khởi lòng biết ơn cha mẹ của chúng ta mà tu tập; xin đại chúng khởi lòng biết ơn mọi người, mọi loài mà khởi tâm tu tập; xin đại chúng khởi tâm biết ơn trời đất, thiên nhiên, cỏ cây, hồn thiêng sông núi mà phát tâm tu tập.

Thở vào và thở ra, ta thấy rõ hạnh phúc chỉ tới với ta khi nào ta có trái tim từ bi và lòng biết ơn vô hạn đối với tất cả mọi người và mọi loài.

Xin đại chúng trở về với thực tại để chúng ta nghe pháp thoại.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Thưa đại chúng!

Hôm nay là ngày rằm tháng ba, năm Canh Dần, tức là ngày 28/04/2010 tại hồ Thiên Nhã, nghĩa trang Phía Bắc sông Hương, thành phố Huế, chúng ta có bài pháp thoại "Từ bi và lòng biết ơn vô hạn dệt thành chất liệu hạnh phúc trong đời sống chúng ta".

Trái Tim Từ Bi

Thưa đại chúng!

Giận dữ, oán trách, hận thù đem lại khổ đau cho chúng ta bao nhiêu thì tình thương đem lại hạnh phúc và an lạc cho chúng ta bấy nhiêu. Lòng vô ơn, sự phản bội đem lại khổ đau và thất vọng cho chúng ta bao nhiêu thì lòng biết ơn vô hạn đem lại hạnh phúc, đem lại sự an lạc cho chúng ta bấy nhiêu.

Hạnh phúc thay, cho những ai sống ở trong đời với trái tim mang đầy tình thương, với trái tim mang đầy chất liệu của từ bi, của hỷ xả, của bao dung và độ lượng!

Hạnh phúc thay, cho những ai ở trong đời sống có lòng biết ơn đối với tất cả những gì, mà mình đang thọ ân mỗi ngày. Như thế, sự hạnh phúc sẽ có mặt một cách đích thực trong đời sống của mỗi chúng ta!

Như chuyện kể ngày xưa, con chim oanh vũ nuôi cha mẹ, có hiếu với cha mẹ, nên đã đi kiếm thóc, kiếm lúa để nuôi cha mẹ, nhưng bị người ta bắt; nó thua với người bắt nó là vì thương cha mẹ, nên nó phải đi kiếm lúa thóc như thế này; và vì vậy người bắt nó thương, thả nó ra, và cho nó thóc. Loài vật còn biết thương cha, thương mẹ như vậy, huống chi loài người chúng ta.

Và đại chúng thấy khi những đàn quạ đang lượn bay, sà xuống nơi một đàn gà con, thì con gà

mẹ xòe đôi cánh ra để che đàn con của mình - một sự che chở hết sức yếu đuối, nhưng đã nói lên tình thương của gà mẹ đối với đàn con của nó. Và vì vậy, đàn con của nó có hạnh phúc là nhờ tình thương và sự che chở từ đôi cánh của gà mẹ trước những loài điều hâu.

Cũng vậy, loài người chúng ta có ý thức cao cấp, nếu chúng ta sống với trái tim từ bi, sống với tình thương rộng lớn thì hạnh phúc của chúng ta sẽ trở thành vô biên và khả năng che chở của chúng ta đến với muôn loài có hiệu quả cực kỳ rộng lớn. Chúng ta có thể đem hạnh phúc đến cho một người, cho nhiều người; cho một vùng, cho nhiều vùng; cho một làng, cho nhiều làng; cho một xã, cho nhiều xã; cho một tỉnh thành, cho đến nhiều tỉnh thành. Ta có thể đem hạnh phúc đến cho một đất nước và có thể là nhiều đất nước trên thế giới. Đại chúng biết rằng, đó là trái tim của loài người nhờ có ý thức cao cấp. Nếu là một trái tim của Bò Sát,

của Đấng Giác Ngộ thì không những chỉ che chở và đem lại hạnh phúc cho một loài mà hết thảy muôn loài, không phải chỉ che chở và đem lại hạnh phúc cho một thế giới mà vô lượng thế giới.

Viên Thành Đại Nguyện

Thật may mắn cho tất cả chúng ta được làm đệ tử Phật, chúng ta được học theo hạnh từ bi và trí tuệ của Phật. Vì có lòng từ bi và trí tuệ đó, cho nên đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã có mặt ở nơi thế giới chúng ta. Những gì Ngài làm cho chúng ta là vì hạnh phúc của chúng ta, là vì tình thương của Ngài. Những gì Ngài nói với chúng ta là vì hạnh phúc của chúng ta và từ nơi tình thương của Ngài. Những gì mà Ngài nghĩ về chúng ta là vì hạnh phúc và an lạc của mỗi chúng sinh ở nơi thế giới này và vì tình thương rộng lớn của Ngài. Vì vậy, với tình thương rộng lớn ấy, đức Phật đã có mặt ở trong cuộc đời với chúng ta và Ngài hướng dẫn chúng ta thực tập để chúng ta có được đời sống hạnh phúc

như Ngài. Không những vậy, Ngài còn giới thiệu cho chúng ta một thế giới Tịnh độ của Phật A Di Đà ở phương Tây. Ngài nói rằng đó là thế giới hạnh phúc an lạc lý tưởng có những nét đẹp, có những nét cao quý tương đồng với chúng sinh nơi thế giới Ta bà này. Và chúng sinh nơi thế giới Ta bà này cũng có thể tiếp cận được với thế giới tịnh độ của Phật A Di Đà mà không bị chướng ngại cho lắm bởi thiện căn phước đức nhân duyên của mình.

Lời dạy của đức Phật Thích Ca Mâu Ni như vậy, đã chuyển tải một nội dung của trí tuệ, của từ bi, của tình thương rộng lớn. Cho nên đức Phật Thích Ca Mâu Ni được gọi là Sugata. Sugata có nghĩa là bậc đã đạt tới hạnh phúc, bậc đã đạt đến nơi cao thượng, bậc đã đạt nên đời sống an toàn. Do Ngài tu tập và đạt đến đời sống hạnh phúc, an toàn và cao thượng, cho nên Ngài biết đâu là hạnh phúc của con người và đâu là đau khổ của con người. Hạnh phúc của con người chỉ có khi có tình thương,

cho nên ai đem tình thương mà sống với nhau thì người đó sẽ tạo ra được hạnh phúc cho nhau. Hạnh phúc của con người có gốc rễ từ sự biết ơn, sự biết ơn càng lớn, phước đức chúng ta càng nhiều; phước đức chúng ta càng nhiều thì chúng ta ở đâu, đi đến đâu cũng có sự hỗ trợ của mọi người, hỗ trợ của trời đất, hỗ trợ của thiên nhiên, hỗ trợ của mọi loài. Muốn đạt tới sự hỗ trợ như thế thì chúng ta phải thực tập hạnh biết ân mọi người và mọi loài. Cho nên, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng giới thiệu cho chúng ta cảnh giới tịnh độ của Phật A Di Đà là cảnh giới mà đức Phật A Di Đà vô lượng kiếp về trước đã từng hành Bồ tát đạo. Ngài đã từng biết ơn chúng sinh, đã thương chúng sinh và xả nát thân thể của mình bằng những đại nguyện rộng lớn để thiết lập quê hương Tịnh độ, cho những ai đồng cảm, đồng chí hướng được sanh về nơi thế giới của Ngài để tu tập. Khi về đó, mọi người nhìn nhau bằng chánh kiến mà không phải bằng tà kiến; nhìn nhau

bằng niềm tin mà không phải bằng sự nghi ngờ; nhìn nhau bằng tâm thanh tịnh mà không phải bằng tâm ái nhiễm; nhìn nhau bằng sự hỗ trợ tương dung mà không phải nhìn nhau bằng sự chiếm hữu, riêng tư. Vì vậy, thế giới tịnh độ là thế giới hạnh phúc lý tưởng có gốc rễ từ tâm từ bi rộng lớn của đức Phật A Di Đà, khi Ngài hành Bồ tát đạo và là lòng biết ơn vô hạn của Ngài đối với Thầy của mình, đối với các vị bồ tát bạn hữu của mình và là sự biết ơn vô hạn đối với những chúng sinh đã từng gây khó khăn cho sự tu học của mình.

Nhờ sự gây khó khăn của những chúng sinh đối với mình, mà Bồ Tát thành tựu được nhẫn nhục ba la mật. Nhờ sự gây khó khăn của những người đối nghịch mình, mà Bồ Tát tu tập thành tựu được tinh tấn ba la mật. Nhờ những kẻ xấu ác thường đem tâm xấu ác đối với mình, mà Bồ tát thành tựu được trì giới ba la mật, thủ hộ được sáu căn một cách thanh tịnh. Và nhờ những biến động bất

thường, khiến cho bồ tát nhiếp phục được tâm và thành tựu được thiên định ba la mật. Và nhờ nhìn sâu vào mọi sự hiện hữu mà Bồ Tát thấy rõ tự tính vạn hữu đều không có thực thể, cho nên thành tựu được trí tuệ ba la mật. Thành tựu được tất cả những điều tốt đẹp như thế, Bồ Tát khởi tâm đại bi rộng lớn thiết lập Tịnh độ để làm nơi quy hướng, cho những chúng sinh có cơ hội tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, phát bồ đề tâm và thương yêu cuộc đời, nhưng chưa đủ năng lực để tôi luyện ý chí của mình, thì nên phát nguyện sanh về Tịnh độ. Đó là cảnh giới thuận lợi cho sự nuôi dưỡng và phát tâm bồ đề một cách vững chắc, và khi tâm bồ đề đã phát nguyện một cách vững chắc rồi, thì tùy nguyện du hóa khắp cả mười phương thế giới để thuyết pháp hóa độ chúng sinh.

Bồ Tát và Phật với tâm từ bi rộng lớn như thế, với tình thương vô biên như thế, với lòng biết ơn vô hạn đối với mọi loài chúng sinh cũng như

chư Phật và Bồ Tát như thế, cho nên các Ngài luôn luôn là những bậc có hạnh phúc, bậc có an lạc.

Duyên May Và Tâm Lòng Của Những Người Con Phật

Ngày nay, chúng ta có cơ duyên tốt được làm thân người, được tu học Phật Pháp, được có niềm tin thâm sâu đối với Phật, Pháp, Tăng và có khả năng thực tập những đức tin thanh tịnh của mình đối với chánh pháp. Đó là hạnh phúc lớn của chúng ta. Chúng ta lại học theo hạnh của chư Phật, Bồ Tát rải lòng từ đến với mọi loài, mà cụ thể là chiều hôm nay Thầy trò chúng ta đã đến đây, nghĩ đến những hương linh quá cố được lưu trú ở trong nghĩa trang phía Bắc này, trong đó có tổ tiên chúng ta, có cha mẹ chúng ta, có anh em bà con ruột thịt của chúng ta, có bạn bè của chúng ta, có đồng loại của chúng ta. Chúng ta đã nhất tâm, nhất ý cầu nguyện cho những vị đó sớm xả bỏ mê đồ, được siêu sanh tịnh độ.

Và đồng thời, chúng ta khởi tâm từ bi thương những loài cô hồn, tức là những tâm hồn cô đơn, những linh hồn không nơi nương tựa, không nơi cúng dường, không nơi điu dắt, sống vất vơ vất vưởng. Chúng ta thương họ, vì vậy chúng ta đã thiết trai, lập đàn tràng, tụng kinh, cầu nguyện để mong tất cả những vị đó được nghe lời kinh, thay đổi tâm thức thấp kém của mình trở thành tâm thức cao thượng và liền được sanh về thế giới tịnh độ của Phật A Di Đà.

Không những vậy, chúng ta còn nhất tâm cầu nguyện cho những vị của dân tộc Champa, dân tộc Mường Máng một thời xa xưa nào đó đã mất quê hương, mất dân tộc, lạc mất nòi giống, xin tất cả quý vị hãy khởi lòng từ bi hoan hỷ, xả bỏ những oán đối với dân tộc chúng ta, đối với ông bà tổ tiên chúng ta, đối với con cháu chúng ta; và mong rằng tất cả quý vị sẽ giải tỏa được những oán kết, phát tâm bồ đề và biết rằng “tùy sở trú xứ thường an

lạc”, nghĩa là với tâm bồ đề, với tình thương rộng lớn thì ở đâu cũng là quê hương của mình, ở đâu cũng là nhà của mình và nhìn thấy ai cũng là bà con thân bằng quyến thuộc của mình. Với tâm như thế, quý vị ấy có thể tạo ra được hạnh phúc cho chính họ ngay trong giờ phút mà họ nghe được lời kinh tiếng pháp mà tâm chúng ta đang gọi tới họ.

Những loài ở trên không, những loài ở dưới nước cũng đều được nghe pháp vũ và cũng đều được ân triêm lợi lạc.

Vậy, mong đại chúng tiếp tục duy trì tình thương rộng lớn ấy trong đời sống hàng ngày của mỗi chúng ta để lúc nào và ở đâu, chúng ta cũng có hạnh phúc và đóng góp sự hạnh phúc đó vào gia tài của nhân loại. Hạnh phúc của chúng ta có thể chia sẻ bớt những sự bất ổn của xã hội con người hiện nay. Và mong rằng, tất cả quý vị tiếp tục duy trì chất liệu biết ơn vô hạn đó trong đời sống hàng ngày của chúng ta, để sự tiêu thụ tất cả những thực

phẩm của chúng ta được có ý nghĩa, chúng ta không phí phạm thực phẩm để rồi chúng ta phải bị đói nghèo trong tương lai. Chúng ta không phí phạm môi trường sống của chúng ta để cho chúng ta bị ô nhiễm trong tương lai và con cháu chúng ta bị chết ngột trong tương lai. Chúng ta không phí phạm đất đai để chúng ta trong tương lai bị quả báo không có chỗ ở. Nhờ sự biết ơn vô hạn ấy mà sống ở đâu, lúc nào chúng ta cũng ước muốn vừa đủ. Vừa đủ để tu tập. Vừa đủ để nỗ lực làm những điều tốt đẹp trong đời sống con người.

Thưa đại chúng! Đời sống con người nói rằng trăm năm, nhưng thật ra chẳng mấy ai sống được. Nói chính xác là chúng ta chỉ tồn tại trong từng hơi thở mà thôi. Cho nên những gì cần làm cho tình thương là chúng ta làm ngay, để chúng ta có hạnh phúc và những người thân yêu của chúng ta cũng có hạnh phúc. Những gì cần biết ơn là chúng ta liền tìm cách báo ơn ngay, bởi vì biết ân

và báo ân là hai chất liệu tốt đẹp, tạo nên nhân cách vĩ đại, tạo nên đạo đức vĩ đại của con người. Kẻ khốn nạn nhất trong thế giới con người đó là kẻ vô ân, kẻ phản bội. Phản bội Tam Bảo, phản bội Thầy Tổ, phản bội cha mẹ, phản bội bạn bè, phản bội quê hương, đó là những kẻ khốn nạn nhất ở trong thế giới con người. Xin đại chúng hãy rãi lòng từ đến những người khốn khổ như thế, để cho những người ấy cũng được sưởi ấm trong cội nguồn hạnh phúc an lạc mà chúng ta đang thực tập hôm nay. Cho nên, sau giờ pháp thoại này rồi, đại chúng thắp đèn lên và đi niệm Phật cùng Thầy. Mỗi người cầm hai ngọn đèn nơi tay và chúng ta đi niệm Phật, chúng ta gửi tấm lòng của chúng ta đến đó. Sau khi đi niệm Phật xong rồi, chúng ta sẽ thả đèn xuống hồ để cầu nguyện cho những người thân yêu của chúng ta và những người thường gây trở ngại cho chúng ta, tất cả đều được sống an lành trong ánh sáng của chư Phật.

Bây giờ xin đại chúng thắp đèn lên, và xin đại chúng phải giữ gìn sự yên lặng. Trong không gian này, chúng ta càng tĩnh tâm chừng nào thì hiệu quả cầu nguyện của chúng ta càng đạt cao chừng đó. Xin đại chúng giữ gìn khẩu nghiệp thật thanh tịnh, thắp đèn và chú tâm vào nơi đèn, giữ yên lặng tuyệt đối để không gian này sẽ yểm trợ chúng ta với sự thanh tịnh đó. Xin quý vị đã thắp đèn xong thì từ từ đứng dậy, tuần tự đi theo Thầy và chúng ta niệm Phật.

Nguyen Nhã kính ghi

NGƯỜI HUYNH TRƯỞNG ĐỐI VỚI ĐẠO PHÁP VÀ DÂN TỘC

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Cùng tất cả các anh chị em trong Ban HDGDPT Quảng Nam, Ban quản trại và toàn thể trại sinh Lộc Uyển quý mến.

Hôm nay là ngày 29 tháng 5 năm Canh Dần, tức là ngày 10/07/2010. Quý vị từ Quảng Nam đến Cố Đô Huế, có mặt tại chùa Thuyền Lâm II, để khai mạc trại Lộc Uyển và cung thỉnh chúng tôi có thời pháp thoại "Người huynh trưởng đối với đạo pháp và dân tộc". Vì vậy, hôm nay chúng tôi đến đây để chia sẻ với quý vị đề tài này.

I- Dẫn Khởi Và Tổng Luận

1- Hai dòng máu trong một con người:

Trong mỗi người huynh trưởng của GDPT Việt Nam đều mang hai dòng máu, đó là dòng máu

dân tộc Việt Nam và dòng máu đạo pháp Việt Nam.

Như quý vị đã biết, người Việt Nam là dòng giống Tiên rồng với hơn bốn ngàn năm văn hiến. Chúng ta là dòng máu Tiên rồng, nên cốt cách của chúng ta là cốt cách Tiên rồng, phong thái vừa thanh nhã, vừa linh hoạt sống động.

Tiên biểu hiện cho sự thanh nhã. Rồng biểu hiện cho sự linh hoạt, sống động. Từ đó, dòng máu của người Việt Nam vừa linh hoạt sống động lại vừa thanh nhã trước mọi hoàn cảnh trong cuộc sống. Nhờ đó mà người Việt Nam giữ được dòng máu mình qua bao thời đại, trước mọi biến cố của xã hội. Vậy nên, trước khi trở thành một huynh trưởng Việt Nam, một người Phật tử, thì trong mình đã có sẵn dòng máu đó: dòng máu Tiên Rồng.

Chúng ta có nền văn hóa với hơn bốn ngàn năm, và trong bốn ngàn năm đó, Phật giáo đã có mặt và đóng góp cho dân tộc này hơn hai ngàn năm.

Tổ tiên chúng ta cách đây hơn hai ngàn năm đã xác nhận đạo Phật là đạo của dân tộc. Chúng ta được thăng hoa; dân tộc ta đi đến với con đường giác ngộ, với đời sống giải thoát và cao thượng là nhờ có đạo Phật. Dòng máu dân tộc chúng ta đã được dòng máu đạo pháp nâng lên để trở thành đời sống vừa thực tiễn vừa siêu việt, vừa siêu việt vừa thực tiễn. Bởi vậy, trong người huynh trưởng GDPT Việt Nam, hai dòng máu đó luôn hòa quyện lẫn nhau và nuôi lớn người huynh trưởng.

2 - Người huynh trưởng của GDPT Việt Nam có dòng máu Đạo pháp để thăng hoa dòng máu Dân tộc:

Chúng ta lấy dòng máu đạo pháp để thăng hoa dòng máu dân tộc thì dân tộc Việt Nam mới trở thành một dân tộc hiền lành, đạo đức chứ không phải là một dân tộc man rợ. Nếu thiếu chất liệu đạo pháp trong lòng dân tộc thì dân tộc chúng ta đã trở nên một dân tộc hiếu chiến, không dễ thương đối

với các dân tộc khác. Nhờ có dòng máu đạo pháp trong dòng máu dân tộc mà chúng ta nhìn mọi người bằng con mắt từ bi, có niềm tin, có an lạc, có sự vươn lên trong đời sống thánh thiện.

Vì vậy, người huynh trưởng GDPT Việt Nam phải biết dùng dòng máu đạo pháp để thăng hoa dòng máu dân tộc.

3- Người huynh trưởng GDPT Việt Nam có tinh thần đối với Đạo pháp và Dân tộc là do ảnh hưởng giáo lý Tứ Ân trong đạo Phật:

Giáo lý Tứ Ân là:

- Ân Tam Bảo.
- Ân Quốc gia xã hội.
- Ân cha mẹ.
- Ân thầy bạn.

Nhờ học đạo mà người huynh trưởng GDPT đã cảm nhận sâu sắc bốn ân này.

Nếu không có tổ tiên dân tộc thì nhất định chúng ta không ở trên đất nước này, chúng ta sẽ

không mang dòng máu này, chúng ta không có nền văn hóa này, chúng ta không có ngôn ngữ này để đối xử với nhau.

Hôm nay chúng ta mang thân người Việt Nam, mang dòng máu dân tộc Việt Nam, chúng ta có văn hóa của người Việt Nam, có tín ngưỡng của người Việt Nam, chúng ta có cái dễ thương của người Việt Nam, vì chúng ta kế thừa từ nơi tổ tiên của chúng ta. Vì cảm cái ơn đó, nên chúng ta phải đối xử với dân tộc chúng ta, với mọi người cùng dòng giống bằng sự thương yêu chân thật, bằng sự quý trọng chân thật và nhờ cái chân thật đó, mà chúng ta có thể làm rạng rỡ nòi giống của mình.

Nên, biết ơn dân tộc tức là biết ơn nòi giống, tổ tiên. Nếu không có tổ tiên, chúng ta sẽ không có nòi giống; nếu không có nòi giống thì không có chúng ta, chúng ta sẽ không kế thừa, phát triển được đất nước, dân tộc. Nhờ có sự kế thừa và phát triển mà chúng ta có văn hóa, có ngôn ngữ, có đạo

lý, có niềm tin để sống, có mảnh đất để đi và để ở. Tất cả những cái đó có được là nhờ công ơn tổ tiên huyết thống trong dòng dõi của dân tộc chúng ta, nên ta phải biết ơn đất nước, biết ơn dân tộc.

Trong lịch sử vinh quang của dân tộc, tổ tiên chúng ta đã đóng góp rất nhiều xương máu và tâm huyết, đồng thời cũng có rất nhiều tủi nhục, rất nhiều buồn đau. Trong tủi nhục đau buồn đó, chúng ta cũng đã có rất nhiều chịu đựng mới có ngày hôm nay. Vì vậy mà chúng ta phải biết ơn đất nước, dân tộc chúng ta.

Chúng ta biết ơn được như vậy là nhờ ai?
Nhờ Tam Bảo!

Nếu không có Tam Bảo chỉ lối đưa đường, thì chúng ta đã đi sai đường, sống như gà như vịt, ăn xong phỉ tay, qua cầu tháo ván. Con người sống vô ơn, vô nghĩa thì không có điều ác gì mà không làm, không có điều ác nào mà không nói, không có điều ác nào mà không nghĩ. Người đã

biết ơn, biết nghĩa rồi, thì trước khi nói họ uốn lưỡi 7 lần; trước khi ăn họ biết mình nên ăn những gì và không nên ăn những gì; khi suy nghĩ, họ biết mình suy nghĩ điều gì, nên làm hay không nên làm, làm gì thì có lợi ích cho mình cho người. Từ đó, cái ác nơi con người sẽ giảm dần và sự cao quý trong con người mỗi ngày mỗi thăng hoa lên. Có được cái đó là nhờ ai? Nhờ Tam bảo, nhờ đức Phật dẫn lối đưa đường cho chúng ta đi về với con đường tốt đẹp; nhờ Phật Pháp soi rọi, giúp chúng ta thực hành để đi vào con đường đó; nhờ Tăng duy trì và phát huy chánh pháp, trải qua bao nhiêu thời đại để đến ngày nay có chánh pháp cho chúng ta học hỏi, giúp cho chúng ta biết được điều ác không nên làm, điều thiện cần phải làm.

Điều ác nhất là con không có hiếu với cha mẹ, học trò bất kính với Thầy, người dân không trung thành với đất nước, với quê hương xứ sở. Và điều thiện tốt nhất là sự hiếu kính của con đối với

cha mẹ, sự biết kính trọng của học trò đối với Thầy, người dân đem hết tài năng, đem hết khả năng tâm huyết để phục vụ, xây dựng đất nước trong tinh thần Phật giáo để mở lớn đất nước mình; không phải mở lớn biên cương mà mở lớn về mặt nhận thức, mặt văn hóa và tâm linh giác ngộ.

Ngày nay, chuyện mở nước về mặt biên cương không cần thiết, lấn chiếm đất đai là không cần thiết, vì xu thế con người hiện nay là toàn cầu hóa. Những đất nước khác đều có tòa đại sứ trên đất nước mình và đất nước mình có tòa đại sứ trên các đất nước khác. Mỗi tòa đại sứ được xem như là một quốc gia nhỏ. Như vậy, sự tương quan của xã hội, tầm nhìn trí thức của con người hôm nay đã biết chấp nhận sự có mặt của nhau, nghĩa là chấp nhận sự có mặt của quốc gia này trong quốc gia kia và quốc gia kia có mặt trong quốc gia này. Nên việc xâm lăng mở mang bờ cõi hiện nay là không cần thiết, vì không phù hợp với tư duy của con

người và sự văn minh của nhân loại.

Hiện nay, chúng ta cần phát triển nền văn hóa của chúng ta và đóng góp sự phát triển ấy cho nhân loại, cho thế giới con người. Người Việt Nam đã có văn hóa gì? Người Việt Nam đã tiếp thu đạo Phật như thế nào, đã áp dụng đạo Phật như thế nào trong đất nước mình để giữ nước, an dân? Mình phải đóng góp cái đó cho thế giới con người, cho nhân loại.

Phật giáo Ấn Độ khác Phật giáo Thái Lan; Phật giáo Thái Lan khác Phật giáo Tích Lan; Phật giáo Tích Lan khác Phật giáo Nhật Bản; Phật giáo Nhật Bản khác Phật giáo Nam Triều Tiên; Phật giáo Nam Triều Tiên khác Phật giáo Việt Nam; Phật giáo Việt Nam khác Phật giáo Tây Tạng; Phật giáo Tây Tạng khác Phật giáo Trung Hoa; Phật giáo Trung Hoa khác Phật giáo Đài Loan; Phật giáo Đài Loan khác Phật giáo Miến Điện... Khác đó là khác cái gì và sự đồng nhất trong đó là như thế nào?

Phật giáo đến Việt Nam, người Việt Nam đã tiếp thu Phật giáo như thế nào và đã tiêu thụ những gì và Phật giáo cống hiến cho con người Việt Nam như thế nào? Người Việt Nam ứng dụng lời Phật dạy theo địa dư, hoàn cảnh, văn hóa, tư tưởng, tín ngưỡng và điều kiện của người Việt Nam như thế nào? Mình phải học cho được những điều ấy để đóng góp cho dân tộc mình, cho nền văn hóa quốc tế, quốc tế đang cần ở mình những thứ đó. Tôi nói như vậy để quý vị biết rằng, quý vị cần phải học nhiều, không phải chỉ ở nơi khóa huấn luyện này là đủ.

Người Phật tử muốn đóng góp cho đạo pháp, cho dân tộc, thì mình phải hiểu đạo mới đóng góp được cho đạo, mới duy trì được đạo và phải hiểu dân tộc mình mới yêu được dân tộc, bảo vệ được dân tộc. Không hiểu đạo thì không đóng góp được gì cho dân tộc mình; không thương đạo thì không hộ đạo được, không bảo vệ đạo được. Đó là sự thật. Vì mình có biết đạo mình quý như thế nào đâu mà

thương, mà bảo vệ; mình có biết dân tộc mình quý như thế nào đâu mà thương và bảo vệ. Mình chỉ hy sinh được cho dân tộc, cho đạo pháp khi mình hiểu được giá trị cao quý của đạo pháp, của dân tộc đối với mình, đối với đất nước mình và đối với thế giới con người, với muôn loài chúng sanh.

Nên, một người huynh trưởng phải học đạo, hiểu đạo, phải học lịch sử dân tộc, phải học văn hóa dân tộc. Như thế mình mới yêu được dân tộc mình, và cái yêu đó, cái bảo vệ đó phải có cơ sở từ nơi sự hiểu biết của chính mình.

Như vậy, cảm niệm ơn đối với đạo pháp, dân tộc một cách sâu sắc, mình mới nỗ lực tu tập, nỗ lực học hỏi để đối xử với đạo pháp cho đúng, đối xử với dân tộc cho đúng.

II- Đối với người huynh trưởng

1- Huân luyện và trách nhiệm:

Sau khi được đào tạo huynh trưởng sơ cấp rồi, quý vị có vai trò là Liên đoàn phó nơi đơn vị

mình, chịu trách nhiệm về đoàn mình cùng với đoàn trưởng. Huynh trưởng là phải trải qua các trại huấn luyện sơ cấp: Lộc Uyển; cấp 1: A Dục; cấp 2: Huyền Trang; cấp 3: Vạn Hạnh. Vạn hạnh là trại huấn luyện cấp cao nhất của GDPT Việt Nam. Một người được gọi là huynh trưởng GDPT Việt Nam, ít nhất phải trải qua một kỳ Lộc Uyển. Sau khi được huấn luyện rồi, người đó phải phát thệ nguyện trước Tam Bảo, nguyện sống đời sống của một huynh trưởng. Khi đã sống đời sống của một huynh trưởng, thì đối với tổ chức đơn vị nhỏ nhất, mình phải làm gì; tổ chức đối với cấp Tỉnh mình phải làm gì; cấp trung ương mình phải làm gì. Mình phải làm gì cho tổ chức của mình, cho đạo pháp, cho dân tộc mình. Đó là những điều quý vị cần phải học, cần phải nhớ.

Huynh trưởng Lộc Uyển là đoàn phó, phải chịu trách nhiệm thịnh suy của Đoàn, cùng với đoàn trưởng chịu thịnh suy trong đoàn mình.

Quý vị biết rằng, trong một gia đình có nhiều đoàn, nếu đoàn trưởng và đoàn phó cầm đầu sinh của mình không vững, thì đoàn sẽ rã ra và nhiều đoàn rã ra thì liên đoàn có còn không? Vì vậy, vai trò của đoàn trưởng và đoàn phó trực thuộc của một đoàn GDPT rất quan trọng.

Một huynh trưởng A Dục là đoàn trưởng trong một đơn vị của gia đình và cùng huynh trưởng Huyền Trang chịu trách nhiệm thịnh suy của gia đình đó.

Huynh trưởng Huyền Trang chịu trách nhiệm thịnh suy của một gia đình, vì đó là Liên đoàn trưởng được đào tạo cấp Liên đoàn trưởng.

A Dục là đào tạo cấp đoàn trưởng. Huyền Trang là đào tạo cấp Liên đoàn trưởng. Như vậy, khi huynh trưởng Huyền Trang chịu trách nhiệm thịnh suy của một gia đình và cùng Ban hướng dẫn Tỉnh chịu trách nhiệm thịnh suy của GDPT trong tỉnh.

Trại sinh Vạn Hạnh chịu trách nhiệm thịnh

suy gia đình của một Tỉnh và có thể trở thành ban viên, Ban hướng dẫn Trung ương.

Như vậy để trở thành huynh trưởng GDPT Việt Nam, người huynh trưởng phải được huấn luyện hẳn hoi qua bốn kỳ trại: Lộc Uyển, A Dục, Huyền Trang và Vạn Hạnh. Bốn kỳ trại này được liên hệ với bốn cấp: Tập, Tín, Tấn và Dũng. Mỗi cấp như vậy chịu trách nhiệm đối với từng đơn vị, từng phạm vi. Ví dụ, cấp Dũng chịu trách nhiệm thịnh suy của GDPT Việt Nam, cấp Tấn chịu trách nhiệm thịnh suy của GDPT một tỉnh, cấp Tín chịu trách nhiệm về sự thịnh suy của một đơn vị trực thuộc Ban hướng Gia đình phật tử tỉnh, cấp Tập chịu trách nhiệm về sự thịnh suy trong một đơn vị gia đình của mình.

Được gọi là huynh trưởng GDPT Việt Nam, thì phải đi đúng chương trình đào tạo, đúng nội quy. Thời đại bây giờ lắm huynh trưởng tay ngang, thậm chí có huynh trưởng võ ngược thế này, thế khác

nhưng không thuộc năm điều luật của GDPT, phản bội Tam Bảo một cách lia lịa, ăn nói không đạo đức, không có tôn ti trật tự. Như thế không thể gọi là huynh trưởng GDPT được. Nếu không được huấn luyện đào tạo hẳn hoi, để trở thành một huynh trưởng, bản chất huynh trưởng không có thì nói gì đến chuyện huynh trưởng với đạo pháp, với dân tộc.

2- Vị trí và vai trò của huynh trưởng Sơ cấp:

Đào tạo huynh trưởng rất quan trọng. Đào tạo huynh trưởng sơ cấp lại cực kỳ quan trọng, vì đó là nền móng. Huynh trưởng sơ cấp mà không vững thì lấy gì để phát triển đạo pháp về sau, lấy gì để nói đạo pháp, dân tộc. Không hiểu tổ chức thì làm sao đóng góp được cho tổ chức của mình, không hiểu đạo làm sao đóng góp cho đạo của mình; không hiểu lịch sử đất nước mình và giá trị của đất nước mình như thế nào, thì làm sao bảo vệ được đất nước, bảo vệ quê hương xứ sở của mình.

Bảo vệ đạo pháp sáng chói hay không sáng

chói là tùy thuộc rất nhiều ở sự huấn luyện huynh trưởng sơ cấp. Quý vị có đóng góp được cho đất nước, cho quê hương xứ sở hay không, đúng ý nghĩa hay không cũng bắt đầu từ nơi sự huấn luyện sơ cấp này. Vì vậy, tôi nói rằng trại huấn luyện GDPT sơ cấp Lộc Uyển Việt Nam là một trại huấn luyện rất quan trọng, cực kỳ quan trọng, vì đó là nền móng của huynh trưởng, là nền móng của tổ chức GDPT. Nền móng có vững, chúng ta mới có đủ khả năng để đóng góp vào sự nghiệp chung, giữ gìn và phát triển đạo pháp một cách liên tục.

Huynh trưởng là phải thực chất bằng sự huấn luyện qua nhiều giai đoạn, nhiều mặt chứ không phải mua ngoài chợ hay xin nơi những người có uy lực để rồi không làm tròn chức năng của một người huynh trưởng thực chất. Huynh trưởng phải nắm cho được nội quy của GDPT Việt Nam, vì đó là kiến thức cơ bản. Cũng như mình học toán mà không thuộc cửu chương, thì đời nào làm được toán.

138..... Thích Thái Hòa

Cử nhân toán, tiến sĩ toán mà hỏi đến cộng, trừ, nhân, chia không biết được thì còn gì nữa để nói!

Chẳng hạn, có người hỏi: "Chị có phải huynh trưởng GDPT Việt Nam không?"

Trả lời: Dạ phải.

Hỏi: GDPT có từ khi nào?

Trả lời: dạ có sau năm 1975.

Trả lời như vậy thì đem hai chữ "huynh trưởng" đó mà nhân dưới bùn cho rồi!

Đã là huynh trưởng thì phải biết công việc của mình, phải biết quy chế của đoàn thể mình, phải biết lý tưởng của mình, biết việc mình làm là việc gì và đời sống của mình là đời sống của một huynh trưởng thì như thế nào. Phải biết cho rõ. Bằng mọi giá phải biết cho rõ vai trò của một huynh trưởng như thế nào, học hỏi cho chắc để duy trì tổ chức của mình. Tiền bạc là quý thật, nhưng không quý bằng sự hiểu biết, vì có sự hiểu biết, mình mới sử dụng mãi mà không hết. Do đó, hiển

tặng cho nhau sự hiểu biết là quý nhất, là của báu vô hạn. Đó là điều mà tất cả quý vị phải lưu ý. Phải biết cái gì vĩnh cửu và cái gì tạm thời. Đó là cái biết thật sự của người có hiểu biết.

III- Đối với Đạo pháp

Một người huynh trưởng GDPT đối với đạo pháp là phải có đức tin đối với Tam Bảo. Cụ thể, mỗi lần sinh hoạt, hoặc mỗi tuần một lần, đến chùa làm lễ đều có đọc lên năm điều luật:

1- Thực hành năm điều luật:

a- Phật tử quy y Phật, Pháp, Tăng và giữ giới đã phát nguyện.

Như vậy, rõ ràng đức tin của một người huynh trưởng là đức tin đối với Tam Bảo. Tại sao mình phải tin như vậy? Vì Phật là trí đức vẹn toàn; Pháp là con đường sáng giúp mình đi đến đời sống giải thoát giác ngộ; Tăng là đoàn thể đẹp, giúp chúng ta tu học, làm phước điền cho chúng ta và đưa chúng ta đi đến con đường giải thoát giác ngộ;

Giới là khả năng bảo chúng đời sống cao thượng của mỗi chúng ta.

Vì vậy, chúng ta tin tưởng tuyệt đối vào Phật, Pháp, Tăng và Giới pháp mà mình đã lãnh thọ. Có tin tưởng như vậy rồi, mình mới tiếp tục thực hiện bốn điều luật tiếp theo.

b- Phật tử mở rộng lòng thương tôn trọng sự sống.

Nhờ tin vào Phật, Pháp, Tăng và Giới mà lòng mình được mở rộng ra. Mở rộng sự hiểu biết của mình ra, mình mới thương yêu mọi loài và tôn trọng sự sống của mọi người, mọi loài.

Mình sống được là nhờ ai? Nhờ mọi người và mọi loài. Nếu không có mọi người và mọi loài làm sao mình sống được. Cơm đâu mình ăn? Áo đâu mình mặc? Giấy bút đâu mình viết? Xe đâu để mình đi từ nơi này đến nơi khác?... Như vậy, rõ ràng mình sống được là nhờ mọi người, mọi loài, mọi vật. Mình biết được như vậy là nhờ Phật, nhờ Pháp, nhờ Tăng dạy cho mình. Có mắt, nhưng

không có ánh sáng của đèn, không có không gian làm sao thấy được những điều Thầy dạy. Có tai, nhưng không có âm thanh thì nghe được gì, rồi phải nhờ micro khuếch đại... Như vậy, mình sống đây là nhờ mọi người, mọi loài, muôn vật tác động qua lại với nhau. Từ đó, trái tim mình được mở rộng để yêu thương mọi người, mọi loài, tôn trọng sự sống, không nở sát hại. Hiểu và sống đẹp được như vậy là nhờ Tam bảo.

Người nào có đời sống như vậy thì người đó quá đẹp, người đó mới là người của đạo, người có đạo, người sống với đạo. Người không có đạo, không hiểu đạo, thì dù cố gắng sống cho đẹp cũng không đẹp; cố gắng làm cho đúng vẫn sai; cố gắng sống cho cao vẫn là hèn thôi; cố gắng sống hạnh phúc vẫn đau khổ; cố gắng sống vươn lên vẫn thụt lùi, vì niềm tin không có.

Minh tin vào đạo, tin vào lời đức Phật dạy và ứng dụng cái đó vào đời sống của mình để từ đó có

được đời sống rộng lớn, cái nhìn chính xác, có trái tim bao dung, thương yêu và che chở tất cả. Đó là ý nghĩa của "mở rộng lòng thương và tôn trọng sự sống", là điều luật thứ hai mỗi khi đến chùa làm lễ, sinh hoạt vào chủ nhật hàng tuần mà quý vị luôn luôn nhắc đến.

c- Phật tử trau dồi trí tuệ, tôn trọng sự thật.

Đã là Phật tử thì không để cho mình ngu dốt. Vì ngu dốt không có trong Phật giáo. Vì vô minh nên không thấy cha mình là ai, không thấy mẹ mình là ai, nói năng thô lỗ, tạo tội, và vì vô minh nên không biết Thầy mình là ai, nói năng hỗn láo với thầy; không biết dân tộc là gì, là cao quý như thế nào, nên phản dân hại nước. Một người Phật tử phải luôn luôn sáng suốt, không bao giờ phản đạo, hại dân, hại nước và không hại mọi người.

Không có trí tuệ thì dù muốn xây dựng đất nước cũng phá đất nước như thường; muốn xây dựng gia đình mình cũng không được, muốn có

hạnh phúc cũng đau khổ thối.

Có một chú khỉ muốn thể hiện cái thông minh của mình như thế này: “khỉ vâng lời chủ dặn tưới hoa cho kỹ, nên khi chủ đi rồi, khỉ ngoan ngoãn nghe theo và để biết chắc là nước đã thấm gốc chưa, chú ta nhổ hết gốc này đến gốc khác để xem cho kỹ, xong thì dập xuống lại. Trưa, chủ về hỏi, chú khỉ vui mừng trả lời, đặc chí với việc làm của mình lắm. Có ngờ đâu vì vô minh, nên việc làm đó đã không có kết quả, lại còn làm héo mất cả vườn hồng. Người chủ chỉ biết thốt lên một câu ngao ngán "đồ ngu như khỉ!"

Con người cũng vậy, nếu không chịu học hỏi, không biết đạo lý, không biết Tam bảo là gì, không có đức tin nơi Tam bảo, nơi lời dạy của đức Phật để thực hành cho đúng, thì mọi việc sẽ hỏng cả, không thành công. Do đó, chất liệu phải trau dồi trí tuệ và tôn trọng sự thật là rất cần thiết. "Duy tuệ thị nghiệp". Trí tuệ là điều rất cần trong cuộc sống.

Đã là Phật tử là phải biết rõ trí tuệ là bậc nhất. Không ngu dốt thì không bao giờ phản bội đất nước, phản bội con người, phản bội đời sống chính mình, không bao giờ quay lưng với tổ tiên, ông bà mình và không bao giờ phản đạo.

Sự chân thật cũng rất cần trong cuộc sống. Dối trá làm mất lòng tin là mất tất cả. Chẳng hạn, hoa giấy mà nói với trẻ con là hoa thật để bán thì cũng bán được, nhưng chỉ một lần thôi, vì trước sau gì cũng bị phát hiện. Nói dối đã không tạo được lòng tin, không tạo được uy tín mà còn bị quả báo xấu cho mình, cho người. Vì vậy, người Phật tử không bao giờ nói dối mà phải tôn trọng sự thật.

d- Phật tử sống trong sạch từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm.

Người Phật tử sống đẹp từ hình thức cho đến tâm hồn. Mặt đẹp, thân hình đẹp chưa đủ mà phải đẹp luôn cả việc làm, lời nói. Nếu chỉ đẹp lời nói mà việc làm không đẹp thì chỉ có giá trị thuyết

phục người khác tạm thời. Nếu đẹp cả lời nói lẫn việc làm thì thuyết phục người khác lâu bền hơn, đem lại hạnh phúc thực sự cho người khác. Như vậy, người Phật tử phải sống trong sạch từ thể chất đến tinh thần.

e- Phật tử sống hỷ xả dừng tiến trên đường đạo.

Là Phật tử thì phải sống vui vẻ, không cố chấp, từ đó có bước tiến chắc chắn, vững chãi trên con đường giải thoát, lợi mình lợi người.

2- Tin, Học và hiểu:

Phật tử phải có đức tin và hiểu rõ Tam bảo, thế nào là Phật, thế nào là Pháp, thế nào là Tăng, thế nào là Giới. Hiểu rõ để tu học cho chính xác. Ngoài ra, Phật tử phải hiểu rõ lịch sử phát triển của đạo Phật, lịch sử Phật giáo phát triển trên thế giới như thế nào, lịch sử Phật giáo Việt Nam phát triển như thế nào. Trong lịch sử phát triển, Phật giáo Việt Nam có những đặc tính gì, điểm nào hoàn hảo và điểm nào chưa hoàn hảo, cái hoàn hảo hay

không hoàn hảo đó do đâu mà có, phải biết cho rõ.

Tất nhiên, phát triển lịch sử thì có những cái hoàn hảo, nhưng cũng có những cái chưa hoàn hảo. Hoàn hảo xuyên suốt hoặc không xuyên suốt tùy thời đại. Vì vậy, tùy thời đại mà chế tác, vận dụng cho thích ứng và tùy vùng, miền mà áp dụng cho đúng. Như vậy mới có khả năng phát triển đạo.

Mình phải có đức tin đối với Tam bảo. Muốn được như vậy, thì phải học để hiểu rõ Tam bảo. Khi mình có đức tin và có sự hiểu biết, thì đức tin ấy là chánh tín. Vì vậy mà đức Phật đã nói: "Tin ta mà không hiểu ta là phỉ báng ta". Lời dạy của đức Phật đã khẳng định rằng, trong đạo Phật không có mê tín, không có cuồng tín và không có tà tín. Tin trong đạo Phật phải kèm theo hiểu biết. Lười học là chuyện không thể có đối với người Phật tử.

Kinh Pháp Hoa có chuyện kể về một vị vua theo vị Tiên vương để làm thị giả nấu ăn, gánh nước, giặt quần áo,... không mỗi mệ, để cầu mong

Thầy trao cho mình diệu pháp, không mong cầu gì hơn, sẵn sàng hy sinh chỉ vì diệu pháp mà thôi. Vị đó là ai? Chính là đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Tiên thân của đức Phật là một vị vua. Do mong cầu diệu pháp, Ngài đã bỏ ngôi vua, theo hầu hạ Tiên nhân. Điều này chứng tỏ muốn tiếp nhận được diệu pháp thì phải bỏ tất cả danh lợi, địa vị cao sang nhất thế gian là ngôi vua. Nhờ tinh thần đó mà Ngài đã thành Phật.

Tinh thần cầu học không mỗi một là tinh thần của người Phật tử, để từ đó lấy được cái dốt trong mình ra. Người thông minh thì từ bỏ cái dốt trong mình nhanh, người không thông minh thì chậm hơn, nhưng học nhiều lần cũng sẽ lấy cái dốt ra được.

Trong Phật giáo có câu chuyện: Ngài Châu Lợi Bàn Đà Già, em ruột của ngài Xá Lợi Phất, là người chậm hiểu, chậm nhớ, học mãi hai chữ "tảo chử" không được, học chữ này quên chữ kia. Vậy

mà nhờ sự kiên trì, ham tu, ham học, Ngài đã lấy được cái chậm nhớ, chậm hiểu ra khỏi tâm mình và chứng ngộ. Nhờ hai chữ "tảo và "chữu"- "xuốt" và "quét", mỗi lần xuất quét là mỗi lần đọc hai chữ đó. Ngày nào cũng chừng đó việc. Lâu ngày sạch cả ngoài lẫn trong tâm. Ba nghiệp đã sạch, Ngài chứng quả A La Hán. Như vậy, quý vị thấy rằng, học không khó mà chịu khó học mới là khó.

Quý vị từ Quảng Nam ra đây, vượt qua bao chướng ngại, phòng học vừa hẹp, vừa nóng. Như vậy, tinh thần chịu khó học của Ngài Châu Lợi Bàn Đà Già đã có mặt trong quý vị. Chắc chắn, một ngày kia, quý vị cũng lấy được cái dốt trong người mình ra như Ngài Châu Lợi Bàn Đà Già vậy.

Chỉ có học và tu, ngoài ra không có cách nào khác để lấy cái dốt ra khỏi người mình.

Người Phật tử đối với đạo pháp là tu học không mỗi mết. Tu pháp môn này thành tựu xong, lại tu học pháp môn khác, cho đến khi thành đạo

quả Vô thượng bồ đề. Tu học là để hoàn thành nhân cách của một con người, hoàn thành phong cách của một bậc thánh, hoàn thành nhân hạnh của một vị Bồ tát, cho đến khi hoàn thành nhân hạnh của một vị Phật mới thôi. Sự học hỏi của người Phật tử là sự học hỏi bất tận, không đem cái học hữu lượng so với cái học vô lượng được. Học hỏi của người Phật tử là vô cùng vô tận, không lúc nào, không ở đâu là không học; học đến chỗ không còn gì để học nữa mới hết học.

Cũng như, ông Newton phát hiện ra lực hút của trái đất từ sự rơi của một quả táo; Archimede phát hiện ra lực đẩy của nước trong một lần tắm...; thành công được một việc phải trải qua bao nhiêu gian khổ, chịu khó, Phật tử muốn học, biết cách học thì ở đâu cũng học được. Nhờ vậy mà biết yêu đạo, biết bảo vệ muôn loài, muôn vật.

Muốn có chánh kiến, người Phật tử phải nỗ lực nghiên cứu, nghiên cứu lịch sử đất nước, lịch

sử các tôn giáo, nghiên cứu lịch sử thế giới con người và phải biết người ta đã cường điệu, bôi nhọ, thêm thắt, nói không đúng sự thật như thế nào để khỏi mắc lừa, tin và nghe mù quáng. Như vậy, nghe phải có kèm theo sự gạn lọc, vì thời đại bây giờ rất dễ nói láo, nói láo vô tội vạ, không có trách nhiệm, nên rất dễ tin lầm, dễ hiểu sai do thiếu chánh kiến. Phật tử không phải ai cũng như ai. Thầy tu cũng vậy, không phải ai cũng giống ai. Có những vị có duyên quy y Tam bảo, nhưng không hiểu Tam bảo là gì, không giữ giới mình đã thọ. Có những vị khi có duyên xuất gia ở chùa mà chưa có duyên làm thầy tu. Vậy, Phật tử học để biết thầy chùa và thầy tu khác nhau ở chỗ nào. Không học thì không hiểu, không thấy được đâu là sự thật, đâu là chân lý. Nên, đối với người Phật tử, phải nỗ lực tu học, nghiên cứu nhiều mặt, tu học không ngừng nghỉ, học hỏi để biết và biến cái biết đó thành đời sống của chính mình.

3- Ứng dụng và nỗ lực tự hoàn thiện:

Biết thì ai cũng có thể biết, nhưng ứng dụng cho đúng, thì không đơn giản chút nào, không phải ai cũng ứng dụng được. Biết tham là xấu, trẻ con cũng biết, nhưng bỏ lòng tham rất khó, tu cả một đời chưa chắc đã bỏ được. Ai cũng biết tham ăn là xấu, nhưng đứng trước ly bia, đĩa thịt không dễ gì làm chủ được, nếu không tu luyện, thì khó mà tránh những sai lầm có thể xảy ra.

Và là Phật tử thì phải biết nỗ lực để tự hoàn thiện bản thân mình một cách không ngừng nghỉ.

Đây là sự hoàn thiện cao nhất. Mỗi người phải học Phật pháp rồi, từ nơi Phật pháp, áp dụng cho phù hợp với hoàn cảnh của mình để từ đó hoàn thiện bản thân. Mỗi người có một hoàn cảnh riêng, một quan niệm riêng và một nhận thức riêng, nên tự mình điều chỉnh mình để đi đến sự hoàn thiện cao nhất. Như thế, sau khi quý vị dự trại huấn luyện này rồi, hãy chọn cho mình một pháp môn để

thực tập và hành trì.

Ví dụ:

a. Có người phát nguyện rằng: mỗi khi ra đường hay bất cứ đi đâu, hễ thấy mảnh giấy loại vát xả bừa bãi, tôi nhặt bỏ vào thùng rác. Cứ như vậy, làm chừng đó việc thôi, lâu ngày cũng thành Phật.

b. Mỗi ngày bỏ ống 500đ, 3 ngày được 1500đ, đem giúp người nghèo khó hơn mình. Cứ như vậy mà làm một cách đều đặn thường xuyên, thì có niềm vui và niềm vui đó tiến dần đến đạo quả Vô thượng Bồ đề.

c. Mỗi ngày ngồi yên khoảng 10 phút để thở vào, thở ra có ý thức trong sáng. Cứ như vậy cũng đạt kết quả tốt đẹp.

d. Mỗi ngày ngồi yên khoảng 20 phút để niệm Phật, tiếp xúc với Phật. Trong tương lai, khi xả bỏ báo thân cũng được về với Phật theo ý nguyện.

e. Nếu nghĩ rằng, niệm Phật cũng dễ tán tâm, nên nguyện trước khi đi làm việc gì tôi cũng

đến trước bàn Phật thấp một cây hương cúng dường Ngài, bạch với Ngài những ước nguyện của mình, xong lạy 3 lạy thật sâu sắc, rồi đi làm việc.

Là Phật tử, chúng ta phải có pháp hành của mình. Các tôn giáo khác có pháp hành của họ, như con chiên Thiên chúa giáo trước khi ăn cơm, họ làm dấu thánh và bất cứ ở đâu họ cũng thể hiện như vậy. Phật tử chúng ta cũng vậy, trước khi ăn cơm, ngồi vào bàn ăn, mình chấp tay vái 3 cái. Cứ thực tập như vậy suốt đời. Tôi đã thấy có một số người thể hiện việc làm: lên nghĩa trang nhỏ cỏ nơi mộ của người thân. Nhỏ xong, họ cùng đứng dậy quay một vòng chung quanh mộ, đọc kinh thánh trước khi ra về. Điều đó cũng thể hiện tâm linh của họ, tôn giáo của họ. Tôi muốn nói, quý vị phải thể hiện tâm linh của tôn giáo mình một cách thường trực, chứ không phải lúc có, lúc không. Dù đi xa hay bất cứ trường hợp nào cũng thể hiện đức tin của mình trong điều kiện có thể được. Không thể hiện được là sai.

Chẳng hạn, câu chuyện người nông dân với trâu và cọp: Cọp chế nhạo trâu: "sao mày to thế mà thua ông người nhỏ hơn, để ông điều khiển tắc rì, có lúc đánh vào mông mày mà mày cũng chịu. Đồ ngu!". Trâu trả lời: "cọp ơi, người nông dân tuy nhỏ con, nhưng thông minh hơn chúng mình nhiều. Không tin, mày cứ hỏi thử xem". Cọp hí hửng quay sang người nông dân hỏi: "Người nông dân kia ơi! Trí khôn của ông để đâu, đưa tôi xem".

-Trí khôn của ta để ở nhà. Cọp muốn xem thì để ta về nhà lấy cho mà xem.

- Ừ, ông về lấy đi

- Nhưng trước khi về lấy, cọp phải để ta trói lại đã, không thì khi ta về, cọp ở đây ăn thịt trâu ta thì sao.

Cọp nghe có lý, nên bằng lòng để cho người nông dân trói mình lại. Trói cọp được rồi, người nông dân bèn lấy đùi nện cho cọp mấy đùi, bảo: "trí khôn của ta đây, thấy chưa". Cọp hoảng hồn khiếp

sợ trước trí khôn của người nông dân, không còn kiêu ngạo do cái ngu của mình.

Câu chuyện trên để lại cho chúng ta một bài học, người Phật tử đi đâu cũng phải mang theo sự hiểu biết tâm linh, giới luật Phật đã dạy cho mình để áp dụng một cách thường trực, không thì chết theo cái dốt của đối phương hoặc cái dốt trong mình biểu lộ khi có điều kiện. Trí khôn là sức mạnh bảo vệ mình từ niềm tin đạo pháp, giới luật mà mình đã thọ.

Người huynh trưởng ở đâu thì chất liệu huynh trưởng có mặt ở đó. Chẳng hạn, chủ nhật hàng tuần, người huynh trưởng không đến sinh hoạt tại chùa, không sử dụng đức tin của mình, bỏ quên, chạy theo cái khác là thất bại ngay. Huynh trưởng mà uống bia say, đi xiêu qua vẹo lại, nhìn bãi phân trâu tưởng chiếc khăn đóng là chết rồi. Làm sao có đủ tư cách hướng dẫn đàn em của mình?

Muôn không sai lầm như vậy, đối với đạo

pháp, quý vị phải nỗ lực học hỏi, tự hoàn thiện bản thân mình, đi đâu cũng thể hiện đúng mục đích và nội quy của GDPT: mình phải biết đào tạo, hướng dẫn các thanh thiếu niên, đồng niên trở thành phật tử chân chính. Huynh trưởng là không được đi cúng để lấy tiền, vì làm như vậy là hư hỏng, nói ai nghe, điều khiển mấy em sao được. Luôn luôn thực hiện đúng nội quy đoàn để đào tạo thanh, thiếu, đồng niên tốt. Đó là bổn phận và trách nhiệm của một người huynh trưởng. Đồng thời, góp phần xây dựng xã hội lành mạnh theo tinh thần Phật giáo, một xã hội được thiết lập trên nền tảng trí tuệ và từ bi. Tài đức phải gắn bó nhau, được mặt này thiếu mặt kia hoặc được mặt kia thiếu mặt này là chưa phải.

Theo tinh thần Phật giáo, một xã hội phải được áp dụng lục hòa (vị nào chưa biết tinh thần lục hòa thì phải nghiên cứu, học hỏi cho rõ).

Như vậy, quý vị đã thấy rõ một người huynh

trưởng phải làm gì? Người huynh trưởng của GDPT phải tu, phải học, phải hiểu, phải nỗ lực trau dồi Phật pháp, truyền bá Phật pháp trong chức năng của mình.

Một xã hội theo tinh thần Phật giáo là phải có tôn ti trật tự. Trong gia đình thì cha ra cha, mẹ ra mẹ, anh ra anh, em ra em, con ra con; ngoài xã hội thì quan ra quan, dân ra dân. Không phải giỏi mà lại lãnh đạo, thông minh thì lại làm dân, khiến xã hội khó yên. Kẻ lãnh đạo mà không giỏi, thì hay cậy quyền, cậy thế ức hiếp người khác. Xã hội như thế không phải là xã hội Phật giáo. Một xã hội Phật giáo là xã hội mà người trí tuệ, người đức độ là người đóng vai trò lãnh đạo, hướng dẫn; người được hướng dẫn có thể là trí tuệ chưa hoàn chỉnh, đạo đức chưa hoàn chỉnh; vì đạo đức, trí tuệ chưa hoàn chỉnh thì nói ai nghe?

4- Phải biết cách làm cho Đạo pháp sáng lên:

Đối với đạo pháp, chúng ta phải loại những

thứ tà ma ngoại đạo ra khỏi Phật giáo. Mình có bốn phận làm cho đạo Phật sáng lên, không để cho ai lợi dụng, buôn thần bán thánh, hoen ố đạo mình. Một Phật tử có chánh kiến rồi, thì không bao giờ mua bia mời các Thầy uống, mà có thể thay thế bằng một thứ nước khác, tùy theo trí thông minh, hiểu biết của mình, để bảo vệ Thầy mình; ngoại đạo từ đó không phỉ báng, chê bai đạo mình.

Ví dụ, ba tháng an cư kiết hạ của chư Tăng, một người Phật tử biết hộ đạo là không bao giờ thỉnh thầy về nhà mình cúng, vì làm như vậy là gián đoạn sự tu tập của quý thầy và từ đó mình bị giảm phước đức. Người Phật tử làm được như vậy là đã làm đẹp cuộc đời, làm đẹp xã hội và hộ đạo như vậy thì chính mình cũng có khả năng truyền đạo được, vì đã giúp chư Tăng tu tập, hoằng pháp lợi sanh.

IV- Đối với Dân tộc

1- Ý nghĩa dân tộc

Dân tộc phải hội đủ các yếu tố sau đây:

- Dân số
- Lãnh thổ
- Ngôn ngữ
- Lịch sử
- Văn hóa
- Chính phủ

2- Người huynh trưởng GDPT đối với Dân tộc

a. Phải học và hiểu để biết ơn dân tộc mình:

Giới trẻ ngày nay, về sinh ngữ có thể rất giỏi, sử dụng tin học có thể rất thạo, nhưng lịch sử đất nước, lịch sử thế giới rất yếu. Tuổi trẻ ngày nay, khoa học tự nhiên giỏi, nhưng khoa học nhân văn lại yếu. Vì vậy, người huynh trưởng GDPT đối với dân tộc, phải học và hiểu cho được lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ của dân tộc mình.

Quý vị có biết chữ Việt Nam có nguồn gốc

như thế nào không? Đa số tuổi trẻ hiện nay cho rằng, chữ Việt Nam là chữ theo mẫu tự latin, nhưng hiểu như vậy là không đúng, vì mẫu chữ đó mới có cách đây vài trăm năm thôi, và cổ xúy cho việc học chữ ấy khoảng chừng trăm năm gần đây thôi, trong khi đất nước ta có bốn ngàn năm văn hiến. Đó là điều mà những người trẻ Việt Nam cần suy nghĩ lại, không thì dễ bị lừa về mặt trí thức. Vào thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch, Dân tộc Việt đã có Việt ca và Việt luật và đương nhiên là phải có cấu trúc ngôn ngữ về mẫu tự và ngữ pháp để diễn tả Việt ca và Việt luật. Vào thế kỷ thứ IV, người Việt đã có từ điển về ngôn ngữ của người Việt nói về cách mượn âm (tá âm) và những chữ có thể mượn âm (tá âm tự). Thế kỷ XIII, XIV dân tộc mình đã có thứ chữ viết độc lập. Đó là chữ Nôm. Văn hóa độc lập đối với Hán. Vì vậy, phải duy trì văn hóa mình, chữ Hán phiên âm Việt đã có từ rất sớm và chữ Nôm là một loại chữ hoàn toàn do người Việt sáng

tạo, có muện nhất là vào thế kỷ XIII, đã dựa vào nguyên tắc tá âm và tá âm tự do Đạo Cao biên soạn vào thế kỷ IV.

Thời Pháp đô hộ Việt Nam, muốn chuyển văn hóa Việt Nam thành văn hóa Âu tây, nên họ cố vũ cho cách viết văn hóa Âu tây. Từ đó, con cháu Việt Nam không tiếp xúc được với tổ tiên của mình, vì đa số văn hóa, gia phả, văn kiện, bia mộ đều viết bằng chữ Hán, chữ Nôm, con cháu thì cũng đa số bỏ chữ Hán Nôm chạy theo chữ Âu tây, nên không đọc được, thì không hiểu được, làm sao thương và kính được, làm sao duy trì được, bảo vệ được văn hóa dân tộc mình.

Có lần tôi ra Hà Nội, đến thăm Văn Miếu. Trong Văn Miếu có mấy câu chữ Hán rất hay, nhưng cả đoàn không ai đọc được. Đôi khi một đời người học hành, làm quan, bao nhiêu kinh nghiệm xương máu để lại cho con cháu trong một bài thơ đầy ý nghĩa, gói gọn trong bốn câu hoặc bốn chữ

thôi, mà con cháu chịu, không đọc được thì thừa hưởng được cái gì nơi đó.

Vì vậy, đối với dân tộc, người huynh trưởng Việt Nam phải học và phải thấy đâu là giá trị văn hóa đích thực, đâu là văn hóa tân thời để không bị đánh lừa. Mẫu tự abc không phải là văn hóa Việt Nam, mà phải nói rằng đó là một phần phát triển văn hóa Việt Nam, thì có thể chấp nhận được.

Như vậy, một người dân, một người huynh trưởng mà không hiểu lịch sử của đất nước mình, không hiểu văn hóa của đất nước mình, thì làm sao yêu nước và làm sao truyền đạo và giữ đạo cho đất nước mình được. Đó là điều mà quý vị phải lưu ý, phải học hỏi.

Vì vậy, người huynh trưởng đối với dân tộc là phải học để hiểu và biết lịch sử dân tộc Việt Nam, lịch sử văn hóa Việt Nam, lịch sử ngôn ngữ Việt Nam. Từ đó mình mới ứng dụng được đạo vào đời và phát triển dân tộc trong đạo, phát triển đạo

trong dân tộc. Người huynh trưởng có bổn phận bảo vệ đất nước là điều hiển nhiên.

b- Biết sử dụng quyền công dân:

Trước khi là huynh trưởng, mình là một công dân, hưởng được mọi quyền lợi của một người công dân bình đẳng như luật pháp đã ghi "mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật". Mình có cái quyền đó và mọi người công dân phải thể hiện cái quyền đó cho xứng đáng. Cơ quan hành pháp đối xử phân biệt, nghiêng bên này, lệch bên kia là mình không chấp nhận. Mình có quyền phản đối sự đối xử không công bằng đó.

Mình là người sinh ra, lớn lên từ đất nước Việt Nam, trong lịch sử Việt Nam, trong văn hóa Việt Nam, mình có trách nhiệm bảo vệ đất nước mình. Ai lạm dụng đất nước mình cho mục tiêu của họ là mình phản đối. Phản đối như vậy là từ lòng yêu nước, bảo vệ đất nước. Nếu a đua theo sự lạm dụng đất nước cho mục tiêu riêng tư là mình phản

bội đất nước.

c- Người Phật tử đối với đất nước phải có khả năng đóng góp như thế nào?

Đây là một vấn đề. Muốn đóng góp cho đất nước một cái gì đó hữu ích, thì người Phật tử phải giỏi đủ năm minh:

i. Nội minh: giỏi giáo lý, hiểu đạo pháp của mình.

ii. Thanh minh: giỏi ngôn ngữ.

iii. Nhân minh: giỏi luận lý.

iv. Công xảo minh: giỏi công nghệ thông tin, công nghiệp, khoa học kỹ thuật.

v. Y phương minh: giỏi các phương pháp trị bệnh về tâm cũng như thân bệnh.

Như vậy, một người Phật tử phải có khả năng đóng góp xây dựng cho đất nước mình phải có đủ năm minh, chứ không phải nói suông mà được. Nói tôi đóng góp là đóng góp cái gì?

Mình phải đóng góp nội minh cho dân tộc. Giáo lý kinh điển của Phật, phải dịch cho được

bằng tiếng Việt, phải chú giải cho được bằng tiếng Việt, phải giải thích theo cái hiểu của người Việt cho người Việt hiểu Phật pháp. Đối với đạo pháp, mình phải có sự tu tập và chứng ngộ theo cách chứng ngộ của mình, để lý giải kinh điển, để đóng góp vào nền văn hóa dân tộc và nhân loại. Đó là mình đóng góp cho dân tộc về mặt nội mình.

Mình cũng phải giỏi ngôn ngữ để truyền đạt Phật pháp và nói về cái hay, cái đẹp của đất nước mình cho mọi người biết, cho thế giới biết, cho con cháu biết. Đó gọi là sự đóng góp của mình đối với dân tộc về thanh minh.

Mình phải luận lý như thế nào để nêu rõ chánh lý, đẩy lùi tà lý, làm cho dân tộc mình sáng lên; những bụi bặm bám vào dân tộc, thì mình làm cho nó lắng xuống.

Phật tử phải nói câu từ đàng hoàng, đầy đủ, không lấp bắp, không nói trước quên sau, câu trước đá câu sau, câu sau phủ nhận câu trước. Như vậy ai

mà nghe được và chinh phục được ai. Phật tử phải giỏi nhân minh luận lý để đóng góp cho đất nước.

Đời Tiên Lê có một vị Thiền sư giúp vua Lê Đại Hành, giả làm người đưa đồ đón sứ Tàu Lý Giác. Khi đi trên thuyền, sứ Tàu thấy đôi thiên nga bay trên trời, ứng khẩu làm thơ:

"Nga nga lưỡng nga nga

Nguỡng diện hướng thiên nga"

Đến đây thì chịu, không làm tiếp được nữa.

Người đưa đồ liền tiếp:

"Bạch mao phô lục thủy

Hồng trạo bãi thanh ba".

Nghe xong, Lý Giác đổi sắc mặt, khiếp nể và nghĩ bụng rằng "người chèo đò Việt Nam mà giỏi đến thế, thì vua và giới trí thức quan lại trong triều còn giỏi đến mức nào nữa". Từ đó, khi vào triều đình Việt Nam, Lý Giác không dám ra oai hoành hợ nữa.

Như vậy, sự đóng góp của Thiền sư Phật

giáo không hẳn phải là mặc áo casa. Khi cần hiện thân gì để giúp nước phò vua, đem lại vinh quang cho dân tộc, đều thể hiện được dưới mọi hình thức.

Phật giáo đã từng làm như thế và làm được như thế là nhờ đâu? Nhờ nội minh, giới thanh minh, giới nhân minh. Phật tử mà giáo lý không biết, ngôn ngữ không giỏi, nói âm ớ, lý luận không vững thì làm gì được để đóng góp cho dân tộc. Nên, mình phải học và học thật sự. Mình phải tu và tu thật sự.

Ngoài ra, Phật tử còn phải giỏi công nghệ thông tin, công nghiệp, khoa học kỹ thuật, sử dụng khoa học theo tinh thần Phật giáo để đi vào trong các lĩnh vực đó, đóng góp xây dựng đất nước. Mình đi vào trong mọi lĩnh vực của y khoa, y học để thể hiện tinh thần Phật giáo, để thể hiện đạo pháp trong đó và đóng góp cho đạo pháp, cho dân tộc.

Một bác sĩ thiếu đạo pháp, thiếu lương tâm, không tin nhân quả nghiệp báo, thì có thể bóc lột

bệnh nhân, nạn nô bệnh nhân. Một huynh trưởng đồng thời làm bác sĩ, y tá, cán sự, lương y thì có thể nói lời từ ái, lời dễ thương đối với bệnh nhân. Một Phật tử, một huynh trưởng, thì phải nói được lời dễ thương với bệnh nhân, với mọi người để đóng góp cho xã hội, cho đất nước bằng khả năng ngũ minh.

d- Người Phật tử huynh trưởng phải biết đặt quyền lợi của mình trong lòng Đạo pháp, Dân tộc và Nhân loại:

Người huynh trưởng không nên đặt quyền lợi của mình lên trên quyền lợi của tổ chức, không đặt quyền lợi của tổ chức lên trên quyền lợi của đạo pháp, dân tộc, nhân loại. Tổ chức mình không phát triển được là vì mình đã đặt bản ngã của mình trên tổ chức. Ai có chút tài năng gì, thì cho mình là số một trong tổ chức, buộc tổ chức phục vụ mình, chứ không phải mình phục vụ tổ chức. Nên tổ chức ngày càng bị suy yếu. Mình đi học là để phục vụ, yểm trợ cho những người thiếu điều kiện không

được đi học như mình, chứ không phải mình đi học là để những người thiếu học, không học phục vụ mình. Mình nỗ lực học là để giúp đỡ cho những người không đủ điều kiện học như mình. Cái học như vậy là cái học có đạo đức, cái học của đạo Phật. Trái lại, mình nỗ lực học cho giỏi, cho có tài năng để buộc những người thiếu học, ít học phục vụ mình. Cái học như vậy là cái học của kẻ ác, của kẻ thể gian tâm thường. Nên hai cái học không giống nhau.

Quý vị phải biết rằng, chúng ta tu học thì không đặt quyền lợi cá nhân trên một tổ chức lớn. Tổ chức lớn ở đây là đạo pháp, là dân tộc. Tổ chức GDPT lớn, nhưng nhỏ đối với đạo pháp, nhỏ đối với dân tộc. Nên, mình không đặt tổ chức mình trên tổ chức đạo pháp và tổ chức dân tộc, mà đặt nó trong lòng đạo pháp, trong lòng dân tộc, nhân loại như trong hiến chương của giáo hội PGVNTN đã ghi:

"Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất

không đặt sự tôn tại của mình trong nguyên vị cá biệt mà đặt sự tôn tại của mình trong sự tôn tại của dân tộc và nhân loại".

Đó là câu hay nhất, quý vị phải học thuộc lòng để ứng dụng.

Hòa thượng Trí Thủ cũng đã nói: "*những gì tôi làm cho đạo pháp cũng là làm cho dân tộc và những gì tôi làm cho dân tộc cũng là làm cho đạo pháp*".

Người huynh trưởng GDPT Việt Nam khi làm việc gì, phải đặt quyền lợi chung lên trên quyền lợi riêng. Điều này mình thấy rõ ngay trong gia đình mình thôi. Nếu mình đặt quyền lợi của cha mẹ, của gia đình trên quyền lợi của cá nhân mình, thì ngay đó mình trở thành người con dễ thương, người con có hiếu. Trái lại, trong gia đình mình, mình đặt quyền lợi của mình trên quyền lợi của cha mẹ mình, trên quyền lợi của gia đình mình, thì tức khắc mình trở thành người con không dễ thương, người con bất hiếu.

Trong tổ chức cũng vậy. Mình phải đặt quyền lợi của tổ chức lên trên quyền lợi bản thân, thì mình sẽ là một thành viên trung thành và đáng tin cậy của tổ chức.

Đối với đạo hay đất nước cũng vậy, mình phải đặt danh dự của đạo, danh dự của dân tộc, danh dự của đất nước trên danh dự của riêng mình, mình sẽ trở thành người con thương yêu của đạo, người con thương yêu của đất nước. Đó là chuyện tất nhiên, không ai phủ nhận, vì đó là sức mạnh không ai nhận chìm mình được.

Người huynh trưởng phải ý thức cho được điều đó, để đóng góp đời mình vào sự nghiệp chung của đạo pháp và dân tộc, mà cụ thể là đối với tổ chức của mình. Vì vậy, người huynh trưởng GDPT không a dua theo ngũ dục thế gian để hại đạo, hại đời. Người huynh trưởng GDPT phải nỗ lực tu học và phải biết cách đem đạo cứu đời, vì đời ở trong tăm tối, đang chìm trong ngũ dục, mình phải đem chánh đạo rọi vào trong ngũ dục, để cho

mọi người thấy được nhân quả trong ngũ dục không hoàn hảo mà hướng tới đời sống của đạo. Người huynh trưởng phải làm cho được điều đó đối với đạo pháp. Huynh trưởng là dứt khoát không để cho bất cứ ai lợi dụng đạo mình làm việc riêng tư. Đã là một công dân đất nước thông minh, trí tuệ, mình không để cho ai lợi dụng dân tộc mình để phục vụ cho một số người, một nhóm người hay cho một thế lực ngoại lai nào cả. Mình phải đem đạo pháp của mình phục vụ cho dân tộc, nhân loại và đem văn hóa đất nước mình đóng góp vào gia tài văn hóa của nhân loại. Đó là việc làm của người huynh trưởng đối với đạo pháp và dân tộc.

Chẳng hạn, kinh thành Huế do vua Gia Long, vua Minh Mạng xây dựng mất hai mươi mấy năm. Bây giờ công trình đó không chỉ thuộc về dân tộc Việt Nam nữa, mà được UNESCO công nhận và bảo vệ là di sản thế giới. Phố cổ Hội An cũng vậy, không còn là của riêng Hội An nữa, mà là của đất nước Việt Nam và của nhân loại. Mình phải tu

học như thế nào để làm sáng giá trị văn hóa Việt Nam, đem văn hóa Việt Nam hiến tặng cho xã hội con người, để xã hội con người có bản phận bảo vệ văn hóa đất nước mình, để thế giới bảo vệ văn hóa đất nước mình. Đó là việc làm của người huynh trưởng GDPT Việt Nam nói riêng, đối với Phật tử trí thức nói chung.

Ví dụ, khi gặp một ông Tây đến với nước mình, mình không vội vã đưa tay bắt, rồi nói Bonjour, hay merci... mà mình thể hiện văn hóa mình bằng cách chấp hai tay lại trước ngực, A Di Đà Phật chào họ. Ông ta hiểu hay không hiểu thì mặc kệ, vì đã có phiên dịch. Phần mình, mình phải giữ văn hóa của mình một cách thuần túy, nhất là khi mình có vai trò lãnh đạo đất nước, mình phải thể hiện phong cách ngôn ngữ của mình, phong cách văn hóa của đất nước mình.

Đó là sự đóng góp của người huynh trưởng đối với Đạo pháp và Dân tộc.

V- Kết luận

Đức Phật đã giảng dạy như thế này: “Ngài ra đời là vì an lạc của chư thiên và loài người”. Nên người đệ tử Phật phải học theo hạnh của Phật, mình làm cái gì cũng vì an lạc hạnh phúc của mọi người, hạnh phúc an lạc cho xã hội, cho đất nước, cho tổ chức; mình nói cái gì chỉ nhằm tới lợi mình lợi người. Việc gì lợi mình lợi người thì làm, lợi mình hại người thì không làm hoặc lợi người hại mình cũng không nên làm.

Hại mình, lợi người, mình chưa đủ sức, chưa đủ khả năng. Còn lợi mình hại người mình không làm vì nguy hiểm. Chỉ nên làm việc gì lợi mình lợi người, lợi tương lai, lợi hiện tại. Nghĩ gì mà lợi người, lợi mình thì mình nghĩ, mình làm. Nói và nghĩ như vậy tức là mình nói và làm cho dân tộc và cũng là cho đạo pháp, và mình làm cho đạo pháp cũng là làm cho dân tộc, giống như lời của Hòa thượng Trí Thủ đã nói.

Mình làm như vậy, mình nói như vậy có nghĩa

là mình làm theo tinh thần đạo pháp: “không đặt sự tồn tại của mình trong nguyên vị cá biệt mà đặt sự tồn tại của mình trong sự tồn tại của dân tộc và nhân loại”. Đó là việc làm của người huynh trưởng GDPT đối với Dân tộc, đối với Đạo pháp.

Làm gì thì làm, người Phật tử phải lo học, lo tu để có chánh kiến, có đạo đức. Học để có trí tuệ, tu để có đức hạnh. Trí tuệ và đức hạnh, hai cái đó phải quyện lẫn với nhau, có mặt trong nhau. Một người huynh trưởng mà có đời sống như vậy, thì người đó ở đâu, đạo có mặt ở đó, có mặt một cách có ý nghĩa, một cách vinh quang, tốt đẹp. Đó là minh chứng cụ thể, không cần lý luận.

Đó là kết luận cho bài học hôm nay. Mỗi trại sinh phải tự chiêm nghiệm để rút ra cho mình một kết luận nữa.

Nhuận Bảo Châu

kính ghi lại theo băng

Vi Tính:

Quảng Huệ - Lan Anh

Phiên Tả:

Thuần Nguyên - Bảo Châu

Uyên Như - Nguyên Nhã

Chính Tả:

Tâm Dung - Bảo Nguyên - Phước Ý

Công Ấn:

Nhuận Pháp Nguyên